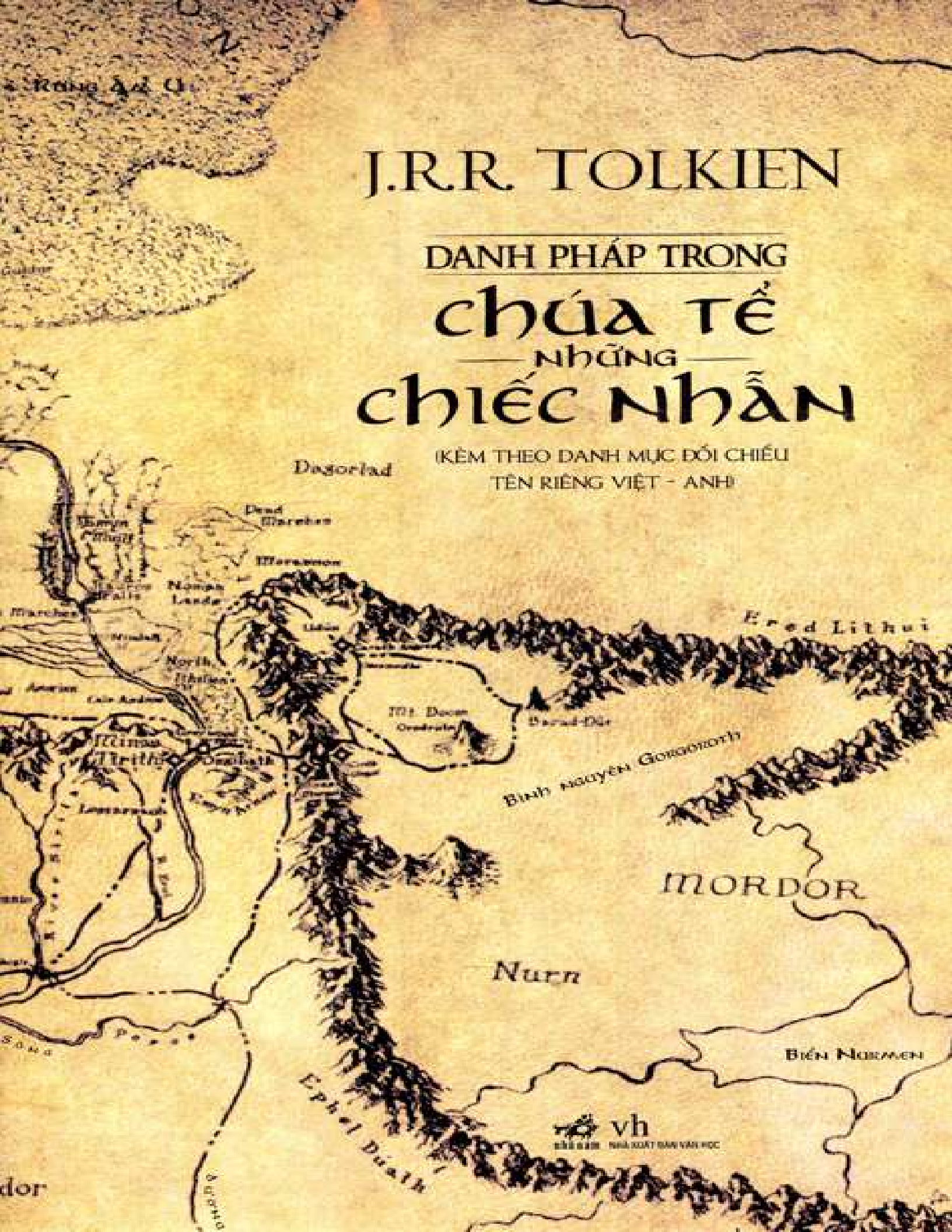


J.R.R. TOLKIEN

DANH PHÁP TRONG

chúa TỂ  
— NHỮNG —  
chiếc Nhãn

(KÈM THEO DANH MỤC ĐỐI CHIẾU  
TÊN RIÊNG VIỆT - ANH)



vh  
HỆ SÁCH NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# Mục Lục

LỜI NGƯỜI DỊCH

TÊN NGƯỜI, CÁC NHÓM DÂN, CÁC LOẠI SINH VẬT

ĐỊA DANH

CÁC KHÁI NIỆM KHÁC

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU CÁC TÊN RIÊNG VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM

Chú thích

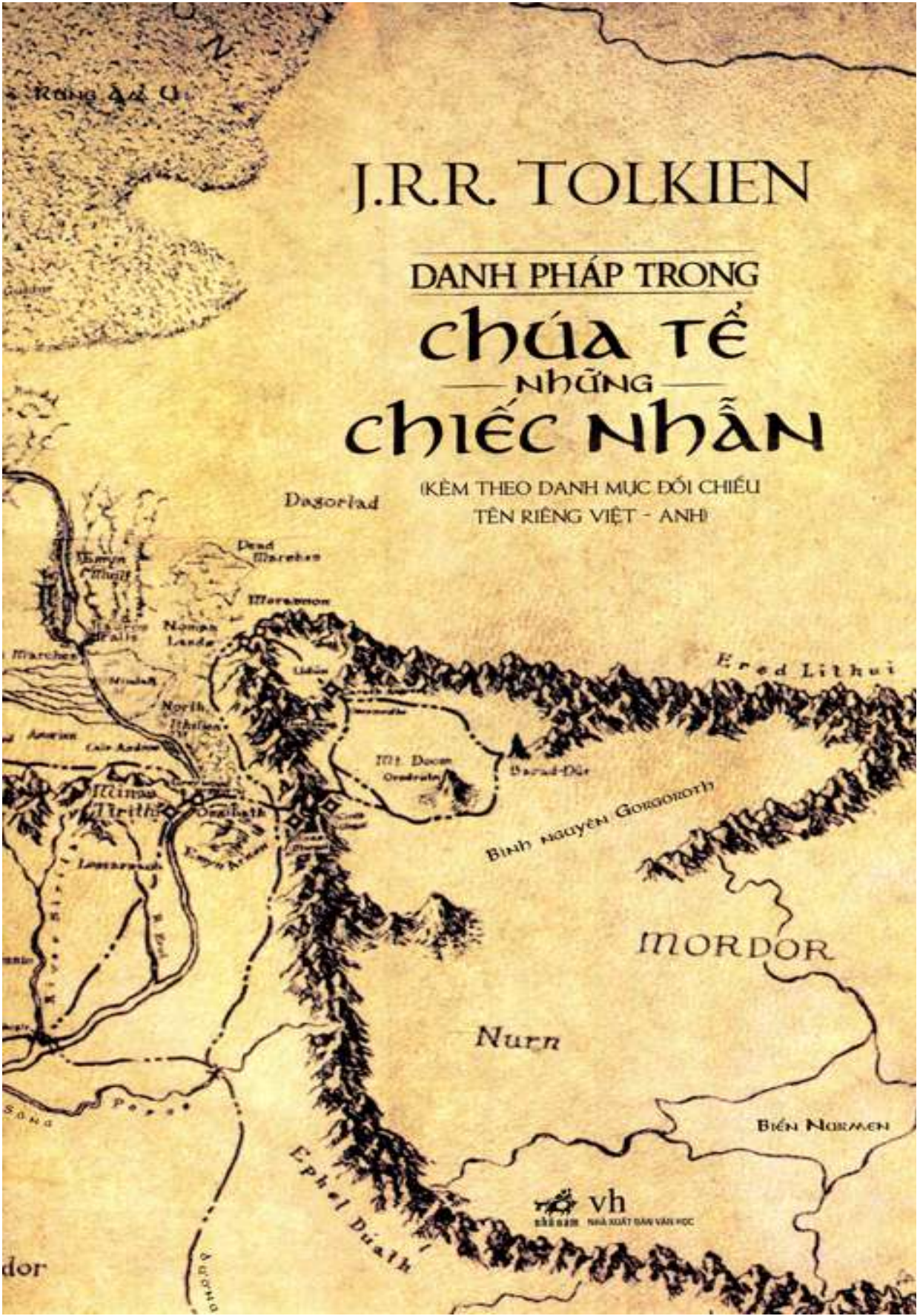
**Danh pháp trong**  
**CHÚA TỂ NHỮNG CHIẾC NHẪN**  
(Kèm theo danh mục đối chiếu tên riêng  
Việt - Anh)

J.R.R. TOLKIEN

DANH PHÁP TRONG

chúa TỂ  
— NHỮNG —  
CHIẾC NHẪN

(KÈM THEO DANH MỤC ĐỐI CHIẾU  
TÊN RIÊNG VIỆT - ANH)



vh  
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Vốn là một tập hợp các ghi chú rời rạc của Tolkien, viết với mục đích hỗ trợ các bản dịch về sau, “Nomenclature of The Lord of the Rings” chưa bao giờ được xuất bản trong sinh thời tác giả. Năm 1975, bài essay này được xuất bản lần đầu trong A Tolkien Compass với tiêu đề “Guide to the Names in the Lord of the Rings”, do Christopher Tolkien biên soạn lại cho độc giả dễ tiếp cận; nhưng bị bỏ khỏi các ấn bản Compass về sau vì lý do bản quyền. Năm 2005, một phiên bản khác dưới tên “Nomenclature of The Lord of the Rings” được Hammond và Scull in trong cuốn The Lord of the Rings: A Reader’s Companion; nghe nói là “điện tử hóa” nguyên dạng bản thảo viết tay của Tolkien chứ không tô điểm lại như Christopher đã làm.

# LỜI NGƯỜI DỊCH

Tài liệu “Danh pháp trong *Chúa tể những chiếc Nhẫn*” (“Nomenclature of *The Lord of the Rings*”) do J. R. R. Tolkien biên soạn vào năm 1967 để gửi cho nhà xuất bản Đan Mạch lúc đó đang chuẩn bị bản dịch cuốn sách. Trước đó mới có các bản dịch tiếng Hà Lan (1956-7) và Thụy Điển (1959-61) ra mắt, và cách dịch tên riêng trong đó khiến ông rất không bằng lòng. Văn bản này được Allen & Unwin photo gửi cho người dịch những thứ tiếng từ đây về sau.

Khi Tolkien qua đời, con trai ông là Christopher Tolkien biên tập lại cho gần gũi với người đọc, xuất bản dưới tên gọi “Chỉ dẫn tên riêng trong *Chúa tể những chiếc Nhẫn*” (“Guide to the Names in the *Lord of the Rings*”) trong cuốn *A Tolkien Compass*, Jared Lobdell cb, Illinois: Open Court 1975, tr. 153-201. Đến năm 2000, Wayne G. Hammond và Christina Scull soạn lại từ tài liệu đánh máy cùng các bản thảo viết tay của Tolkien, lấy lại cách trình bày ban đầu cùng tên gọi cũ, in trong *The Lord of the Rings: A Reader's Companion*, Boston: Houghton Mifflin 2005, tr. 750-82.

Bản dịch này dựa theo văn bản của Hammond & Scull, có tham khảo bản của Christopher Tolkien. Những điểm không thống nhất về chính tả đã được điều chỉnh lại. Các chú dẫn gốc dựa theo Chỉ mục và số trang của Ấn bản lần thứ hai 1965, ở đây để lại theo quyển và chương. Cước chú, hoặc chú thích trong [ngoặc vuông] là của người dịch, trừ những chú thích đánh dấu HS là của Hammond và Scull.

Cuối mỗi mục từ có chú cách dịch trong bản tiếng Việt.

**Bảng viết tắt các ngôn ngữ:**

**NNC:** Ngôn Ngữ Chung (Common Speech).

**NND:** ngôn ngữ dịch, ngôn ngữ dùng trong bản dịch.

**A:** tiếng Anh; **AC:** tiếng Anh Cổ; **AT:** tiếng Anh Trung đại.

**Đ:** tiếng Đức; **CĐC:** tiếng Cao Đức Cổ; **CĐT:** tiếng Cao Đức Trung đại.

**P:** tiếng Pháp; **PC:** tiếng Pháp Cổ.

**NU:** tiếng Na Uy; **TĐ:** tiếng Thụy Điển; **TĐC:** tiếng Thụy Điển Cổ; **ĐM:** tiếng Đan Mạch; **HL:** tiếng Hà Lan; **I:** tiếng Iceland. **BAC:** tiếng Bắc Âu Cổ.

**S:** tiếng Sindarin (Grey-elf). **Q:** tiếng Quenya (High-elf). **R:** tiếng Rohan.



Mọi tên gọi được liệt kê trong danh sách dưới đây phải *tuyệt đối* giữ nguyên không thay đổi dù trong ngôn ngữ dịch (NND) nào, chỉ trừ các biến tố -s, -es thì chuyển đổi dựa theo ngữ pháp của ngôn ngữ đó.

Tốt nhất là người dịch cần phải đọc Phụ lục F và làm theo lý thuyết trình bày trong đó. Trong văn bản gốc dùng tiếng Anh tương ứng với Ngôn Ngữ Chung (NNC) của thời kỳ giả định trong tác phẩm. Vì thế, tên gọi nào bằng tiếng Anh hiện đại đều là để thay thế các tên gọi bằng NNC, đa số trong đó - tuy không phải tất cả - là cách dịch những tên gọi cổ hơn bằng các thứ tiếng khác, chủ yếu là tiếng Sindarin (S, tiếng Grey-elf). Sang văn bản dịch, NND được dùng thay tiếng Anh làm tiếng tương đương với NNC; do đó những tên gọi có dạng tiếng Anh cần được dịch sang NND *dựa theo nghĩa tên đó* (càng sát càng tốt).

Phần lớn những tên thuộc loại này sẽ không gây khó khăn cho người dịch, đặc biệt nếu là sang một NND gốc German, gần gũi với tiếng Anh: tiếng Hà Lan, Đức hay các thứ tiếng Scandinavia; ví dụ như Black Country, Battle Plain, Dead Marshes, Snowmane, v.v. Nhưng một số tên khác có thể không dễ dàng bằng. Trong một số trường hợp, tác giả cuốn sách [Tolkien], đóng vai trò người dịch các tên tiếng Elf đã đặt ra và sử dụng từ trước trong cuốn này hoặc các công trình khác, đã dày công nghĩ ra một cái tên NNC vừa dịch đúng ý, vừa êm tai (với tai dân Anh) theo lối đặt tên Anh quen thuộc, kể cả nếu tên đó không thực sự tồn tại ở Anh. *Rivendell* là một ví dụ thành công, dịch từ S. *Imladris*, “Glen of the Cleft [Thung lũng sâu trong khe tách đôi]”. Những tên đó hay hơn hết là dịch ra, vì để nguyên sẽ làm xộc xệch cả hệ thống danh pháp đã thiết lập kỹ lưỡng, và đưa một yếu tố lạc lõng thiếu lời giải vào lịch sử ngôn ngữ hư cấu của thời kỳ đó. Nhưng tất nhiên, người dịch có toàn quyền đặt ra một tên gọi khác trong NND phù hợp về ý và/hoặc về địa phương học<sup>1</sup>: vì cũng chẳng phải mọi tên NNC đều là cách dịch chính xác từ tên gọi trong các ngôn ngữ kia.

Vài trường hợp lại đặt ra những khó khăn khác. Có những tên gọi (cả địa danh lẫn tên người), nhất là ở Shire, không phải “vô nghĩa” mà về mặt hình thức là tiếng Anh (nói cách khác, trên lý thuyết là cách dịch của tác giả

từ những tên gọi bằng NNC), song lại chứa các yếu tố đã lỗi thời, hoặc là phương ngữ, hoặc đã biến dạng và trở nên mờ nghĩa trong ngôn ngữ thông dụng. (Xem Phụ lục F.) Trên quan điểm tác giả, tốt nhất là người dịch cần có hiểu biết nhất định về danh pháp tên người và địa danh trong NND, cũng như nắm được lớp từ ngữ đã trở thành lỗi thời trong cách dùng thông dụng, hoặc chỉ còn lưu lại ở từng địa phương. Những ghi chú dưới đây của tôi nhằm hỗ trợ người dịch phân biệt những “từ mới” tạo nên từ những yếu tố thông dụng trong tiếng Anh hiện đại, như *Rivendell* hay *Snow-mane*, so với những tên gọi có sử dụng trong thực tế ở Anh, bên ngoài cuốn truyện này, nghĩa là những yếu tố trong tiếng Anh hiện đại mà tốt nhất là chuyển đổi sang yếu tố tương đương trong NND, cả về nghĩa gốc lẫn về hình thức cổ hoặc đã biến đổi khi cần thiết. Một đôi chỗ tôi có dẫn ra các từ cổ, lỗi thời hoặc phương ngữ trong các ngôn ngữ Scandinavia hoặc German có lẽ có thể dùng làm tương đương với những yếu tố tương tự trong các tên tiếng Anh xuất hiện trong văn bản. Tôi hy vọng những gợi ý đó có thể có ích trong vài trường hợp, nhưng đây không phải là tự nhận mình thành thạo những ngôn ngữ hiện đại ấy, ngoài mối quan tâm đến lịch sử sơ kỳ của chúng.

# TÊN NGƯỜI, CÁC NHÓM DÂN, CÁC LOẠI SINH VẬT

**Appledore.** Dạng cổ của “apple-tree” [cây táo] (nay vẫn còn lại trong các địa danh ở Anh). Cần dịch bằng từ tương đương với *apple-tree* trong NND (nghĩa là dùng một từ cổ hoặc phương ngữ cùng nghĩa). Trong các ngôn ngữ German có thể lấy từ cùng gốc: vd Đ. (CĐT.) *aphalter*; I. *apuldur*; NU. và TĐC. *apald*. [*Nhà Táo*]

**Baggins.** Nhằm gợi đến *bag* [túi] - ss đối thoại của Bilbo với rồng Smaug trong *Hobbit* C12 - và dụng ý gây liên tưởng (cho người Hobbit) đến *Bag End* (nghĩa là đáy của cái “bag” hay “pudding bag” [nghĩa đen: “bọc đụn bánh”] = cul-de-sac [ngõ cụt trong tiếng Pháp, nghĩa đen là “đáy túi”]), tên dân trong vùng dùng để gọi nhà của Bilbo. (Đây là tên trong vùng gọi trang trại của dì tôi ở Worcestershire, nằm cuối một con đường dẫn lên đó và không đi xa hơn nữa.) Ss thêm *Sackville-Baggins*. Sang NND, cần dùng một yếu tố có nghĩa “túi”. [*Bao Gai*]

**Banks.** Hiển nhiên là một cái tên miêu tả địa hình, có chữ *bank* với nghĩa “sườn đồi hay triền đồi rất dốc”. Cần dịch bằng một thứ tương tự. [*Triền Dốc Tuyệt*]

**Barrow-wights.** Những sinh vật sống trong *barrow*, “gò mộ”. (Xem *Barrow* phần Địa danh). Đây là một tên đặt mới, cần đặt ra một chữ tương đương. Bản Hà Lan để *grafgeest*, “ma mộ”; Thụy Điển để *Kummelgast*, “ma gò mộ” [*ác hồn Mộ Đá*]

**Beechbone.** Dụng ý là một chữ có nghĩa (vì là cách dịch sang NNC từ một chữ tương đương trong tiếng Ent hoặc Elf). Cần dịch tương tự (vd thành *Buchbein*, hay có lẽ *Büchenbein* thì hay hơn?). [*Xương Sói*]

**Big Folk, Big People.** Dịch. [*Dân/Người Cao Lớn*]

**Black Captain.** Dịch. [*Thủ Lĩnh Đen*]

**Black One.** Dịch. [*Tên Đen*]

**Black Riders.** Dịch. [*Kỵ Sĩ Đen*]

**Bolger.** Xem *Budgeford*. [*Bolger*]

**Bounders.** Hiển nhiên nhằm mang nghĩa “những người canh gác bound (tức là boundary [biên giới])”. Từ này có thực trong tiếng Anh, từ điển cũng không chú là lỗi thời, dù tôi rất ít khi nghe dùng; có lẽ vì từ lóng *bounder* vào cuối thế kỷ 19 - “một kẻ hung hãn vô lễ đáng ghét” - đã được dùng rất rộng rãi một thời gian, và chẳng mấy chốc đã thành một từ thóa mạ tương đương với “cad” [đồ vô lại]. Đã lâu tôi không còn nghe thấy từ này, và tôi nghĩ lớp người trẻ hơn chắc đã quên rồi. Schuchart [người dịch tiếng Hà Lan] dùng *Poenen*, “đồ vô lại”, chắc hẳn vì từ điển thông dụng chỉ liệt kê nghĩa của *bounder* (chú là tiếng lóng) là *patser*, nghĩa là “bounder, cad”. Dùng trong văn bản với dụng ý gợi lại nghĩa này cho độc giả Anh, nhưng nghĩa chính thực tế phải hiểu rõ được. (Trò đùa nhỏ này tất nhiên không đáng lặp lại, dù làm được cũng vậy.) [*Biên Cảnh*]

**Bracegirdle.** Họ có thật ở Anh; nhưng trong văn bản tất nhiên là để chỉ khuynh hướng người Hobbit thường béo phì đến gây căng tức thắt lưng. Cách dịch tốt nhất là ghi nhận điều này bằng một chữ tương đương có nghĩa là *Tight-belt* [thắt lưng chặt], hay *Belt-tightener/strainer/stretchers* [kẻ/thứ làm chặt/làm căng/làm giãn thắt lưng]. (Đây một tên có thật ở Anh, một từ ghép theo lối các ngôn ngữ Roman [Pháp, Ý, Tây, Bồ v.v.] có động làm từ tố đứng trước, như trong *Drinkwater* = *Boileau* [Uống + nước]; nhưng không đòi hỏi thay thế bằng họ có sẵn trong NND. *Gürtelspanner* liệu có được không?) [*Chật Nịt Quần*]

**Brandybuck.** Một tên Anh rất hiếm tôi bắt gặp. Nguồn gốc trong tiếng Anh của nó không quan trọng. Trong *Nhãn* dụng ý hiển nhiên là tên này ghép các yếu tố từ *Brandywine River* và họ *Oldbuck* (xem hai mục này). *Oldbuck* có chứa từ “buck” (tên động vật); hoặc từ AC. *bucc*, “hươu đực” (fallow deer [hươu] hay roe deer [hoẵng] đều được), hoặc *bucca*, “dê đực”. [*Hươu Bia Rum*]

Lưu ý, *Buckland* (xem phần Địa danh) cũng nhằm dùng cùng tên loài vật này (Đ. *Bock*), mặc dù thường trong thực tế địa danh *Buckland* ở Anh xuất phát từ “book-land”, đất có được nhờ một văn tự nhượng hay cho mượn.

**Brockhouse.** *Brock* là một từ cũ (tiếng Anh Cổ) chỉ con lửng (*Dachs*), vẫn còn thông dụng trong cách nói nông thôn đến tận cuối thế kỷ 19 và đi vào văn chương, vì thế cũng có trong những từ điển lớn, kể cả từ điển đa ngữ. Vậy nên khó mà tha thứ được những người dịch sang tiếng Hà Lan và Thụy Điển đã chuyển sai. (\*) Chữ này xuất hiện trong rất nhiều tên địa danh, từ đó có các họ tương ứng ví dụ *Brockbanks*, *Brockhouse*, tất nhiên, được dùng làm tên Hobbit hư cấu vì con “brock” xây những “sett” hay hệ thống hầm ở rất phức tạp và ngăn nắp. Sang tiếng Đức cần để *Dachsbau*, tôi nghĩ vậy. Tiếng Đan Mạch nên để *Grævling*. [*Nhà Lửng*]

(\*) Trong bản Hà Lan *Broekhuis* (không phải lỗi in ấn, vì lặp lại ở cả bốn chỗ xuất hiện tên này) nghe rất ngớ ngẩn: “breech-house” [nhà quần dài] là cái gì? Bản Thụy Điển *Galthus* “nhà lợn rừng” cũng chẳng khá hơn, vì lợn đâu có đào hang! Rõ ràng người đặt không biết, hoặc không tra chữ *brock*, vì đã dùng *Grävlingar* để dịch tên *Burrows* (TĐ. *grävlingar*, *gräfsvin*, “con lửng”).

**Butterbur.** Theo tôi biết thì không xuất hiện làm tên người ở Anh, dù *Butter* có dùng độc lập hoặc trong kết hợp (thường xuất phát từ lên địa danh) như *Butterfield*. Khi vào truyện, để hợp với các họ thường liên quan đến thực vật ở Bree, chúng đã được đổi thành tên cây *butterbur* (*Petasites vulgaris*) [bơ gai]. Nếu tên thông thường của cây này có chứa yếu tố tương đương với “butter” [bơ] thì càng tốt. Nếu không hãy dùng một tên cây khác có “butter” (chẳng hạn Đ. *Butterblume*, *Butterbaum*, HL. *boterbloeme*) hoặc tên một thứ cây dày mập. (Cây bơ gai là một loài cây mập mập có tán hoa rất nặng trên cuống hoa dày, lá rất to.)

Tên riêng của *Butterbur* là *Barliman*, chỉ là cách viết khác của *barley* [đại mạch] và *man* [người] (phù hợp với công việc chủ quán và nấu bia), do đó cần được dịch. [*Đại Mạch Bơ Gai*]

**Captains of the West.** Dịch. [*Tướng Lĩnh miền Tây*]

**(The) Chief** [of the Sheriffs]. Dịch. [*Trùm (Quận Cảnh)*]

**Chubb.** Họ có thật ở Anh, được chọn vì gọi liên tưởng trực tiếp đến tính từ *A. chubby*, nghĩa là “thân hình tròn và béo” (có giả thiết bắt nguồn từ chữ *chub* [cá bống], tên một loài cá sông). [*Bống*]

**Corsairs.** Dịch. Tôi tưởng tượng chúng gần như các corsair [hải tặc] Địa Trung Hải: các toán cướp trên biển có những căn cứ được phòng thủ chắc. [*Hải Tặc*]

**Cotton.** Chữ này xuất phát từ tên địa danh (giống như nhiều họ thời hiện đại), ghép từ *cot*, “cottage, chỗ ở hèn mọn” + *-ton*, thường thấy trong tên địa danh ở Anh, dạng rút ngắn của *town* (AC. *tūn*, “làng”). Cần được dịch theo cách hiểu đó.

Đây là một họ quen thuộc ở Anh, và tất nhiên về nguồn gốc không có liên hệ gì tới chất liệu vải *cotton* [vải bông], dù đây là liên tưởng thông thường ngày nay. Hobbit theo miêu tả có hút thuốc lá, điều này được tạo cơ sở đáng tin ít nhiều nhờ giả thiết loài cây này được Con Người ở Westnesse đưa về qua Đại Dương (Phi lộ, T1 tr11); nhưng không phải có ý nói cây “cotton” đã được biết đến hay sử dụng vào thời này. Vì rất ít có khả năng trong ngôn ngữ khác lại có tên làng bình thường, quen thuộc giống với từ tương đương của *cotton* [vải bông], nên sự giống nhau trong văn bản gốc này có thể bỏ qua. Nó cũng không ảnh hưởng gì đến tình tiết truyện. Xem *Gamgee*.

*Cotman* có xuất hiện làm tên (không phải họ) trong phá hệ. Đây là một từ cổ, có nghĩa “cottager, người sống ở cot”, có thể tra thấy trong các đại từ điển, cũng là một họ thường dùng ở Anh. [*Xóm Lá*]

**Dark Lord, Dark Power.** Dịch. [*Chúa Tể Hắc Ám, Thế Lực Hắc Ám*]

**(The) Dead.** Dịch. [*Người Chết*]

**Dunlendings.** Giữ nguyên, ngoại trừ đuôi chỉ số nhiều. Chữ này thay thế cho *dun(n)lending* trong tiếng Rohan, nghĩa là người sống ở *Dun(n)land*.

[*Dunlending*]

**Easterlings.** Dịch theo nghĩa “Easterners, con người ở phương Đông” (trong truyện là những con người sống ở những khu vực ít biết đến bên kia Sea of Rhûn). [*người miền Đông*]

**Elder Kindred, Eldet Race, Elder People.** Dịch. Nếu NND có hai dạng so sánh của *old* thì chọn dạng cổ hơn. (Trong tiếng Anh dạng cổ hơn *elder* hàm nghĩa cả hơn về tuổi tác và quan hệ họ hàng). [*Lớp Cựu Niên, Cựu Tộc*]

Sự tương tự giữa Eldar, dạng số nhiều của *Elda*, Elf phương Tây, với *Elder* chỉ là tình cờ. (Tên gọi *Elda*, “Elf”, đã được đặt ra từ lâu trước khi viết *Nhãn*.) Không cần cố gắng bắt chước sự tương tự này, vì không có ích mà cũng không quan trọng. Ss *Elder Days*, hàm ý một thời đại cổ xưa hơn nữa trong lịch sử những người thuộc *cùng dòng dõi đó*, nghĩa là trong thời các tổ tiên xa xưa của họ.

**Elf-friend.** Dịch (Phát xuất từ *Ælfwine*, dạng tiếng Anh của một cái tên German cổ (còn xuất hiện chẳng hạn trong tiếng Lombardy là *Alboin*), dù rất nhiều nhân vật mang cái tên tiếng Anh Cổ trong sách sử này hẳn không nhận ra nghĩa phân tích của nó, hoặc không cho là quan trọng.) [*Bạn Tiên*]

**Elven-smiths.** Dịch. Lưu ý: Dạng cổ *elven* dùng làm tính từ hay từ tố trong *Nhãn* tuyệt đối không được đánh đồng với A. *elfin* đã thành hạ tiện, mang liên tưởng hoàn toàn không phù hợp. Hoặc dùng từ có nghĩa *elf* trong NND (hoặc yếu tố đầu tiên trong từ ghép), hoặc tách thành *Elvish* (+ *smiths* v.v.), dùng dạng tương đương trong NND của tính từ chuẩn là *Elvish*. [*Tiên Thợ Rèn*]

Riêng về tiếng Đức: tôi muốn đề nghị một cách dè dặt, rằng có lẽ nên tránh dùng *Elf*, *elfen* làm từ tương đương cho *Elf*, *elven*. *Elf* theo tôi hiểu, được mượn từ tiếng Anh, và có thể còn giữ lại phần nào những liên tưởng thuộc loại tôi đặc biệt mong tránh ở đây (nếu được): vd liên tưởng trong thơ Drayton hoặc trong *Giấc mộng đêm hè* (theo tôi hiểu chính bản dịch vở kịch

này đã lần đầu tiên đưa chữ *elf* vào tiếng Đức). Nghĩa là việc thu nhỏ *elf* thành một sinh vật giống loài bướm sống trong hoa, xinh xẻo và huyền hoặc.

Tôi đang cân nhắc liệu chữ *Alp* (hoặc tốt hơn nữa là để dạng *Alb*, một biến thể vẫn còn thấy ghi trong các từ điển hiện đại, vốn là dạng quy chuẩn hơn trong lịch sử) có dùng được hay không. Đây mới là từ cùng gốc đích thực của A. *elf*, và nếu *Alp* có những nét nghĩa gần hơn với A. *oaf*, chỉ những yêu tinh tai quái và ác ý, hay những chú ngốc làng vẫn bị coi là yêu tinh đánh tráo; thì A. *elf* cũng vậy. Với tôi những liên tưởng kiểu nông thôn, hạ tiện loại đó còn ít nguy hại hơn những tưởng tượng văn chương “xinh xẻo”. Trên thực tế, người Elf thuộc hệ “thần thoại” trong *Nhãn* không thể đánh đồng với các truyền thuyết folklore về “fairy”, và như đã nói (trong Phụ lục F) tôi muốn người dịch sẽ dùng dạng cổ nhất có thể của cái tên này, rồi để nó tự tạo ra liên tưởng mới cho người đọc câu chuyện của tôi. Trong các thứ tiếng Scandinavia có chữ *alf*. [*Tiên*]

**(The) Enemy.** Dịch. [*Kẻ Thù*]

**Ent.** Giữ nguyên, cả khi đứng riêng lẫn trong các từ ghép như *Entwives*, [*Entmaidens*]. Đây được coi là tên gọi cho giống dân này trong ngôn ngữ sử dụng ở Vale of Anduin, gồm cả Rohan. Trong thực tế đây là một từ tiếng Anh Cổ dùng chỉ “giant” [người khổng lồ], vì thế dựa theo hệ thống thì đúng là thuộc về tiếng Rohan, nhưng các *Ent* trong truyện này về hình dáng cũng như đặc tính đều không phải mượn từ thần thoại German. *Entings*, “hậu duệ của các Ent” (T2 Q3 C4) cũng cần để nguyên, ngoại trừ đuôi số nhiều. Tên tiếng Sindarin là *Onodrim* (T2 Q3 C2). [*Ent, Ent phụ, Ent nương, Enting*]

**Evenstar.** Biệt hiệu của *Arwen Undómiel*. Khi xuất hiện trong văn bản, từ này - vốn là cách dịch từ Q. *Undómiel* - cần được dịch. [*Sao Hôm*]

**Fair Folk.** Giống người đẹp đẽ. (Dựa trên cụm từ tiếng Wales *Tylwyth teg* “the Beautiful Kindred [họ tộc đẹp đẽ]” = Fairy [*Tiên*]). Biệt hiệu chỉ người Elf. Dịch. [*(người) Mỹ Tộc*]



**Fairbairns.** Dịch. Đây là một họ ở Anh, gặp ở miền Bắc, biến thể của tên *Fairchild*. Tôi dùng chữ này ngụ ý sắc đẹp kiểu Elf của Elanor, con gái Sam, còn truyền lại lâu dài cho các thế hệ sau. Elanor còn nổi bật vì mái tóc vàng; và trong tiếng Anh hiện đại, *fair* khi nói về nước da hay màu tóc chủ yếu nói đến tóc vàng, nhưng mặc dù từ này có dụng ý gợi liên tưởng ấy trong tiếp nhận của độc giả Anh, trong bản dịch không cần lặp lại. [*Mỹ Nhi*]

**Fallohide.** Chữ này đã gây khó khăn. Nếu được thì cần dịch, vì từ này có dụng ý tương ứng với một tên gọi có nghĩa trong NNC, dù tên gọi ấy được đặt ra trong quá khứ và do đó có chứa những yếu tố cổ. Từ này được ghép từ A. *fallow* + *hide* (cùng gốc với Đ. *falb* và *Haut*), có nghĩa là “paleskin” [da trắng, da nhợt]. Đây là cách dùng cổ, vì *fallow*, “nhợt, hơi vàng”, ngày nay không còn dùng nữa, trừ trong cụm *fallow deer* [hươu, ss red deer: hươu đỏ], còn *hide* không còn dùng khi nói đến da người (trừ khi liên hệ ngược từ cách dùng chỉ da [sống] thú vật dùng làm da thuộc). Nhưng không nhất thiết phải bắt chước sắc thái cổ này. Xem *Marcho* và *Blanco*. Xem thêm chú thích về liên hệ giữa một số từ đặc biệt trong tiếng Hobbit với tiếng Rohan [trong Phụ lục F - HS]. [*Bì Bợt*]

**Fang.** Tên chó ở TI Q1 C4 tr119; dịch. Tất nhiên dụng ý đây là chữ A. *fang*, “răng chó hoặc răng lớn chìa ra” (AC. *fengtōp*; Đ. *Fangzahn*); nhưng vì chữ này có liên tưởng tới *Grip* [ngoạm, cắn], là nghĩa của động từ *fang* nay đã mất, nên tôi nghĩ để Đ. *Fang* có thể là lựa chọn tốt. [*Nanh*]

**Fatty Lumpkin.** Dịch. Yếu tố *kin* dĩ nhiên là một hậu tố có tính thân mật. [*Bướu Ú*]

**Fell Riders.** Dịch. [*Kỵ Sĩ Chết Chóc*]

**Fellowship of the Ring.** Dịch trong văn bản, cả trong nhan đề nếu được. [*Đoàn hộ Nhẫn*]

**Ferny.** Tên ở Bree. Dịch. *Fern* và *Ferny*, *Fernie* đều là các họ ở Anh, nhưng dù nguyên gốc là gì thì ở đây chỉ dùng để khớp vào các tên thực vật chiếm đa số, thông dụng ở Bree. [*Dương Xi*]

**Firefoot.** Dịch. [*Chân Lửa/Fyrfot*]

**(The) Firstborn.** Biệt hiệu chỉ người Elf. Dịch. (“Firstborn”, là vì Elf xuất hiện trên thế giới trước tất cả các “giống dân biết nói” khác, không chỉ Con Người mà cả Dwarf, dù Dwarf từ một nguồn gốc khác. Hobbit tất nhiên được coi là một chủng đặc biệt của con người.) [*Lúa Đầu*]

**Flourdumpling.** Dịch. [*Bánh Bao Bột*]

**Free Folk; Free Lords of the Free; Free People.** Dịch. [*Người Dân Tự Do; Chúa Tự Do của người Tự Do; Người Dân Tự Do*]

**Gamgee.** Họ xuất hiện ở Anh nhưng không phổ biến lắm. Tôi không biết họ này gốc từ đâu, không có vẻ giống tiếng Anh. Đây cũng là từ chỉ “cotton-wool” [len sợi bông] (nay đã lỗi thời nhưng tôi có nghe thời nhỏ), lấy theo tên S. Gamgee (mất 1886), một phẫu thuật gia tài danh đã sáng chế ra “băng Gamgee”. Khi dịch tốt nhất nên coi tên này là “vô nghĩa”, giữ nguyên chỉ trừ những thay đổi về chính tả cần thiết để hợp với tập quán NND. [*Gamgee*]

**Gamling (the Old).** Tên một người Rohan, tốt nhất nên để nguyên. Dù cũng như vài tên Rohan khác: *Shadowfax*, *Wormtongue* v.v., tên này đã được Anh hóa và hiện đại hóa đôi chút. Dạng đúng là *Gameling* (a ngắn). Đây nằm trong số từ ngữ và tên tuổi mà người Hobbit nhận ra và coi là tương tự ngôn ngữ của mình, vì đây là một tên tiếng Anh (= NNC), và hẳn là dạng nguyên thể sinh ra các họ *Gamlen*, *Gam(b)lin* v.v. Ss bài thơ trung đại *The Tale of Gamelin*, về sau này một phần vở *As You Like It* của Shakespeare lấy nội dung từ đó. (Chữ này phái sinh từ căn tố *gamal-*, “già”, vẫn dùng bình thường trong các thứ tiếng Scandinavia nhưng trong tiếng Anh Cổ chỉ gặp trong ngôn ngữ thơ ca, còn trong tiếng Cao Đức Cổ chỉ xuất hiện làm yếu tố cấu tạo tên người.) [*Già Gameling*]

**Goatleaf.** Tên riêng thuộc hệ thực vật ở Bree, một tên cũ chỉ hoa kim ngân. So sánh P. *chèvrefeuille* (tiếng La tinh trung cổ *caprifolium*, chắc hẳn lấy từ tiếng La tinh thông tục). Trong tiếng Đức hẳn không gây khó khăn, vì có vẻ *Geiszblad* [tức *Geissblatt* - HS] cũng là một cái tên thường thấy. [*Kim Ngân*]

**Goldberry.** Dịch ý. [*Anh Đào Vàng*]

**Great Enemy.** Dịch. [*Kẻ Thù Lớn*]

**Grey Company.** Dịch. [*Đoàn Áo Xám*]

**Grey Host.** Dịch. [*Đội Quân Xám*]

**Grey Pilgrim.** Biệt danh khác của Gandalf, dịch từ chữ *Mithrandir*. Cần dịch ý. [*Người hành hương Áo Xám*]

**Greyhame.** “Tiếng Rohan” hiện đại hóa. R. *grēg-hama*, “áo khoác xám”. Biệt danh người Rohan gọi Gandalf. Vì cả *Grēghama* lẫn *Greyhame* nếu đưa vào NND chắc đều không hiểu được, trong khi ít nhất yếu tố *Grey-* cần được độc giả hiểu nghĩa, nên tôi nghĩ tốt hơn là dịch biệt hiệu này: nghĩa là coi như Éomer dịch ý chữ đó sang NNC (T2 Q3 C2). Như vậy bản Hà Lan để *Grijsmantel* là đúng, nhưng bản Thụy Điển lại để sai là *gråhamn*, “bóng ma xám”. Tiếng Đức có thể để *Graumantel*? [*Áo Choàng Xám/Greghama*<sup>2</sup>]

**Grip.** Tên chó. Dịch. Xem *Fang*. [*Ngoạ*]

**Grubb.** Tên người Hobbit. (Grubbs T1 Q1 Cl tr38 là số nhiều). Dịch sang dạng NND nào đó tương đối phù hợp về âm và ý nếu được. Tên này chủ ý gợi đến động từ A. *grub*, “đào hay cắm rễ xuống đất”. [*Búng*]

**Guardians.** Dịch. [*những người Bảo Vệ*]

**Halfling.** Tên của *Hobbit* trong NNC. Đây không phải một từ tiếng Anh tồn tại trong thực tế, nhưng cũng có thể là thế (nghĩa là được cấu tạo đúng nguyên tắc, dùng một hậu tố phù hợp). Ý từ này là chỉ “một người kích cỡ bằng nửa người thường”. Dịch bằng một từ tạo mới tương tự, dùng chữ “nửa” trong NND. Bản Hà Lan để *Halfling* (có thể coi là phái sinh từ *half* và hiểu được, dù cũng như tiếng Anh, chữ này không tồn tại trong tiếng Hà Lan). [*Người Tí Hon*]

**Harloots** (số nhiều). Dụng ý là phải hiểu được (trong văn cảnh) và nhận ra được là dạng biến đổi của cái tên cổ “hairfoot”, nghĩa là “một người có bàn chân lông lá”, (Đây được coi là tương ứng với từ cổ *hær-fōt* > *hērfot*

> *hērfoot*, với *er* > *ar* thường thấy trong tiếng Anh. *Hair* trong tiếng Anh hiện đại, dù có liên quan, nhưng cũng không phải phái sinh trực tiếp từ AC. *hær*, *hēr* - Đ. *Haar*.) Đ. *Harfuss* có thể đáp ứng đầy đủ cả hình thức, ý nghĩa và thay đổi nhỏ về chính tả, thích hợp với tên riêng cổ. Xem *Fallohide*. [Chân Tơ]

**Harry** < **Herry** < **Henry**. Bất cứ tên riêng dành cho nam tương tự nào cũng được. [*Harry*]

**Hayward**. Dịch. Quan chức địa phương có nhiệm vụ kiểm tra rào giậu và gom gia súc đi lạc. Xem Phi lộ, T1 tr13. (Từ này bây giờ đã lỗi thời, chủ yếu chỉ còn lại trong họ *Hayward* rất thông dụng; nhưng *Hob* (T3 Q6 C9) thực sự được coi là một “hayward”.) Từ này phái sinh từ *hay*, “rào giậu” (không phải hay “cỏ [khô]”) + *ward*, “người gác”. So sánh *High Hay*, *Hay Gate*, *Haysend* là các địa danh ở *Buckland*, Nếu trong NND đã có sẵn một từ ghép cổ có nghĩa tương tự thì càng tốt. Bản Hà Lan để *Schutmeester* (nghĩa rất sát: “người trông giữ pound, bãi đất có rào quây”). Bản Thụy Điển *stängselvakt*, “canh giậu”, tôi nghĩ là từ mới đặt ra cho dịp này. [*Gác Giậu*]

**Healer, The Healers**. Dịch. [*Y Sư*]

**Heathertoes**. Tên ở Bree. Không có chữ tiếng Anh tương ứng, tuy vài họ có xuất hiện yếu tố *Heather*-. Dịch. Bản Hà Lan để *Heideteeiti*. Đ. *Heidezehn*? (Đây coi là tên đặt đùa của dân Big Folk, nghĩa là dân Little Folk vì đi khắp nơi không có giày nên thạc nam [heather], cành con, lá liếc mắc vào các kẽ ngón chân.) [*Ngón Chân Thạch Nam*]

**Hobbit**. Không dịch, vì tên này được coi là không còn có nghĩa nhận ra được ở Shire, cũng không phải phái sinh từ NNC (= tiếng Anh, hoặc NND). [*Hobbit*]

**Holman**. Họ ở Anh, nhưng ở đây được coi là = “hole-man” (đọc như nhau). Dịch theo ý này. [*Ở Lỗ*]

**Hornblower**. *Hornblow* và *Hornblower* đều là họ ở Anh. Ở Shire tất nhiên là các họ chỉ nghề nghiệp. Dịch ý. [*Rúc Tù Và*]

**Isengrim.** Xem Phụ lục F: “Trong một số dòng họ lâu đời, đặc biệt thuộc chi Fallohide như nhà Took hoặc nhà Bolger, lại tồn tại tập quán đặt tên gọi rất kêu.” Đây là một tên German cổ, nổi tiếng nhất bây giờ có lẽ là tên con Sói, nhân vật trong truyện hiệp sĩ *Reynard the Fox*. Tốt nhất là để nguyên không dịch, vì không được coi là cấu tạo từ các yếu tố NNC (xem địa danh *Isengard*). [*Isengrim*]

**Leaflock.** Dịch ý, vì đây được coi là cách dịch sang NNC từ tên tiếng Elf *Finglas*: *fing*, “món tóc, búp tóc” + *las(s)*, “lá”. Tương tự với tên Ent *Fladrif*, đã dịch thành *Skinbark*. [*Búp Tóc Lá*]

**Maggot.** Chủ ý là một tên “vô nghĩa”, có âm đọc tựa như tiếng Hobbit. (Thực ra chỉ tình cờ mà maggot lại là một từ tiếng Anh có nghĩa là “ấu trùng, con giòi”. Bản Hà Lan để *Van der Made* (made = Đ. *Made*, AC. *mađa*, “con giòi”), nhưng tên này có lẽ tốt nhất là để nguyên, như trong bản Thụy Điển, dù có thể đồng hóa đôi chút vào tập quán NND. [*Maggot*]

**Marigold.** Tên hoa [cúc vạn thọ], dịch (xem Phụ lục F). Dùng tên này vì đây vừa là tên người có sẵn trong tiếng Anh, lại vừa chứa chữ gold và chỉ một loại hoa màu vàng óng, ám chỉ có huyết thống “Fallohide” (xem Phi lộ, T1 tr4) trong gia đình Sam, nhờ ân sủng của Galadriel mà được gia tăng và thể hiện rõ trong lứa con cái: rõ nhất là ở *Elanor*, nhưng còn cả ở *Goldilocks* (tên này đôi khi cũng dùng chỉ một số loại hoa mao lương vàng) sau này kết hôn với trưởng nam của Peregrin Took. Tiếc rằng tên loài hoa này trong NND có thể không phù hợp làm tên người, hoặc về ý nghĩa hoặc về hình thức (ví dụ *P. souci*). Trong trường hợp đó tốt hơn là thay bằng tên một loài hoa màu vàng khác. Người dịch tiếng Thụy Điển đã giải quyết vấn đề này bằng cách dịch tên thành *Majagull* và thêm chữ *Ringblom* (TĐ. *ringblomma*, “cúc vạn thọ”, ss Đ. *Ringelblume*). Người dịch tiếng Hà Lan tạm vừa lòng với *Meizoentje*, “cúc dại”, như vậy cũng được; nhưng bản dịch không kèm theo phả hệ và lời đi chuyện Daisy [cúc dại] là tên một chị lớn của Sam chứ không phải bạn đồng lứa với Rosie Cotton. [*Cúc Vạn Thọ*]

**Mugwort.** Tên ở Bree; tên một loài cây (*Artemisia* [ngải], *P. armoise*, có họ gần với cây ngải cứu [wormwood], *P. armoise amère*). Dịch theo tên

cây đó trong NND, ví dụ Đ. *Beifusz* [*Beifuss* - HS] nếu phù hợp hoặc nếu không thì dùng tên một loại cây cỏ khác hình dáng gần giống. Tôi chọn *Mugwort* không có lý do gì đặc biệt, ngoại trừ âm đọc kiểu Hobbit. [*Ngải Cứu*]

**Necromancer.** Dịch. [*Hắc Thuật Sĩ*]

**Neekerbreakers.** Tên côn trùng tự đặt; thay bằng một chữ NND đặt mới tương tự có âm thanh gần giống (chủ ý là nghe giống tiếng dế kêu). [*Ních Bờ Rích*]

**Noakes.** Đồng hóa vào NND, hoặc thay thế một tên khác phù hợp có hình thức tương ứng. (*Noake(s)*, *Noke(s)* là một họ ở Anh, nhiều khả năng là phái sinh từ tên địa danh cấp làng xã vốn không phải không phổ biến *No(a)ke*, vốn là tiếng Anh sơ kỳ *atten oke*, “at the oak [chỗ cây sồi]”; nhưng vì hiện nay nguồn gốc này không còn được nhận ra nên không phải tính đến. Trong truyện cái tên này cũng không quan trọng.) [*Noakes*]

**Oldbuck.** Xem *Brandywine*, *Brandybuck*. Yếu tố *-buck* phát xuất từ tên người *Buck*, dạng cổ *Bucca* (Phụ lục B, năm 1979). Tên riêng *Gorhendad* (T1 Q1 C5 tr127) cần để nguyên. Đây là một từ tiếng Wales nghĩa là “cụ”; lý do cho dân *Buckland* có tên tiếng Wales hay tương tự được trình bày ở Phụ lục F. [*Lão Hươu*]

**Oliphant.** Giữ nguyên. Đây là dạng cổ của *elephant* [voi] dùng như một “thổ ngữ nông thôn”, với giả định tin đồn đại về giống thú phương Nam này đã truyền đến Shire từ rất lâu trong các truyền thuyết. Ý này có thể giữ lại bằng cách đơn giản thay chữ E đứng đầu trong tên gọi thông thường của loài voi trong NND thành chữ O: nghĩa vẫn đủ để nhận ra được, kể cả nếu ngôn ngữ đó không có dạng cổ tương tự. Trong tiếng Hà Lan, *olifant* vẫn còn lại và là dạng thông dụng, nên người dịch dùng từ đó, nhưng đã đánh mất màu sắc cổ. A. *oliphant* phái sinh từ PC. *olifant*, nhưng chữ o nhiều khả năng xuất phát từ các dạng cổ trong tiếng Anh hay Đức: AC. *olfend*, CĐC. *olbenta*, “lạc đà”. Tên các loài vật ngoại quốc ít thấy hoặc không bao giờ tận mắt thấy thường bị lầm lẫn khi mượn vào ngôn ngữ mới. AC. *olfend* v.v.

nhiều khả năng đều có gốc gác nguyên thủy từ *elephant* trong các thứ tiếng cổ điển (tiếng La tinh, mượn từ Hy Lạp). [*Không Tượng*]

**Orald.** *Forn* và *Orald* dùng làm tên đặt cho Bombadil với dụng ý là các tên trong các thứ tiếng khác (không phải NNC), vì thế theo hệ thống cần để nguyên không dịch. *Forn* thực chất là từ trong tiếng Scandinavia chỉ “(thuộc về những ngày) thái cổ”. Tên Dwarf trong truyện này toàn bộ đều là tiếng Bắc Âu, đại diện cho một ngôn ngữ của Con Người ở phương Bắc, khác nhưng có họ gần với ngôn ngữ người Rohan vốn xuất thân từ mé bên kia rừng Mirkwood (xem Phụ lục F). *Orald* là một từ tiếng Anh Cổ nghĩa là “rất cổ xưa”, dụng ý hiển nhiên là thay thế tiếng của người Rohan và họ hàng. Chữ này có thể để nguyên; nhưng vì từ này tương ứng chính xác cả về dạng và ý với Đ. *uralt* nên bản tiếng Đức có thể dùng chữ này. [*Orald*]

**Orc.** Từ này chủ ý là tên gọi trong NNC chỉ loại sinh vật này vào thời kỳ ấy; như vậy theo hệ thống, cần dịch chữ này ra tiếng Anh, và ra NND. Trong *Hobbit* đã dịch thành “goblin [quỷ lùn]”, chỉ giữ lại đúng một chỗ; nhưng chữ này hay các chữ có nghĩa tương tự trong các thứ tiếng châu Âu khác (trong phạm vi tôi biết) không thật phù hợp lắm. Loài *orc* trong *Nhãn* và *Silmarillion*, tuy hiển nhiên phần nào mang những đặc điểm truyền thống, song lại không thực sự giống với quỷ lùn về nguồn gốc, hành vi cũng như quan hệ với người Elf trong truyện. Dù sao thì âm đọc chữ *orc* đối với tôi đã và vẫn có vẻ là một tên phù hợp cho loài sinh vật này. Chữ này cần giữ nguyên.

Đáng lẽ trong NND nhóm German cần viết là *ork* (và bản Hà Lan đã làm vậy), nhưng tôi đã dùng cách viết *orc* ở quá nhiều nơi khác đến nỗi tôi rất ngại phải thay đổi trong văn bản tiếng Anh, dù dạng tính từ bắt buộc phải viết là *orkish*. Dạng Sindarin là *orch*, số nhiều là *yrch*.

(Chữ này nguyên thủy tôi lấy từ AC. *orc* (*Beowulf* 112 *orc-neas* và cách dùng thoáng *orc* = *pyrs* (“ogre [quỷ khổng lồ]”), *heldeofold* (“quỷ dưới địa ngục”). Chủ ý là không có liên hệ giữa chữ này với *orc*, *ork* trong tiếng Anh hiện đại, tên gọi chung cho nhiều động vật biển thuộc bộ cá heo.) [*Orc*]

**Pickthorn.** Tên ở Bree, dụng ý là tên “có nghĩa”. Dịch. [*Lặt Gai*]

**Pimple.** Biệt hiệu có tính lãng mạ. Dịch. [*Mặt Mụn*]

**Proudfoot.** Họ người Hobbit (họ thật ở Anh). Dịch. [*Bàn Chân Oách*]

**Puddifoot.** Họ ở đất Marish lầy lội; dụng ý là kết hợp của *puddle* + *foot*. Dịch. [*Chân Đạp Bùn*]

**Quickbeam.** Ent. Đây là cách dịch S. *Bregalad*, “cái cây nhanh nhẹn (linh lợi)”. Vì trong truyện chữ này thay thế cái tên đặt cho nhân vật này bởi bản tính “vội vàng” (so với loài Ent), nên tốt hơn cả là dịch tên này thành một từ ghép (tạo riêng cho mục đích này) mang ý đó (vd Đ. *Quickbaum?*). Ít có khả năng NND đã có tên cây có thể coi là mang nghĩa này. *Quickbeam* và *Quicken* là những tên có thật trong tiếng Anh chỉ cây rowan/mountain-ash [thanh lương trà]; cũng là tên đặt cho loài “Service-tree [thanh lương tra vườn]” có họ gần. (Theo từ điển, Đ. *Vogenbeere*, *Vogenbeerbaum* và *Eberesche*.) Ngụ ý về cây thanh lương trà ở đây là hiển nhiên, vì chữ *rowan* có xuất hiện thực tế trong bài ca của Quickbeam (T2 Q3 C4). [*Cây Nhanh Nhẩu*]

**Ring-wraiths.** Cách dịch từ *Nazgûl* trong Black Speech, gồm *nazg*, “nhẫn”, và *gûl*, các đầy tớ vô hình cấp cao nhất của Sauron, hoàn toàn quy phục ý chí của hắn. Cần tạo ra từ ghép từ các yếu tố phù hợp trong NND mang ý *ring-wraith*, càng sát càng tốt. [*Ma Nhẫn*]

**Rumble.** Tên một bà già Hobbit. Không phải là một chữ có nghĩa (vào thời đó) ở Shire. Dùng dạng nào có hình thức tương tự, phù hợp với NND là đủ. [*Rumble*]

**Sackville-Baggins.** *Sackville* là một tên ở Anh (có nguồn gốc quý tộc hơn tên Baggins). Trong truyện được dùng làm tên ghép với Baggins hiển nhiên là vì ý nghĩa tương tự trong tiếng Anh (= NNC) giữa *sack* và *bag*, và vì hiệu ứng có phần hài hước của kết hợp này. Bất kỳ từ ghép nào trong NND mang những yếu tố có nghĩa ít nhiều tương đương với *sack/bag* là được. [*Xắc Vải-Bao Gai*]



**Scatha.** Đây là tiếng Anh Cổ (“kẻ làm hại, kẻ thù, kẻ cướp”), nghĩa là từ ngôn ngữ Rohan và vì thế cần để nguyên. [*Scatha*]

**Shadowfax.** Đây là dạng Anh hóa từ R. (= AC.) *Sceadu-fæx*, “có bờm (và lông) màu xám như bóng tối”. (Từ này không thực có trong tiếng Anh Cổ.) Vì không phải là NNC nên từ này có thể giữ nguyên, dù tốt hơn là giữ cái tên Rohan theo dạng giản lược: *Scadufax*. Nhưng vì trong văn bản tên này đã được đồng hóa vào tiếng Anh hiện đại (= NNC) nên sẽ rất hay nếu thực hiện chuyển đổi tương tự với NND thuộc nhóm German, dùng những yếu tố gần gũi. A. *fax* “tóc” giờ đã lỗi thời, chỉ trừ trong họ *Fairfax* (nay không hiểu được nữa). Có dùng trong CĐC. (*faks*) và CĐT. (*vahs, vachs* V.V.), nhưng tôi tin là ngày nay cũng đã lỗi thời; nhưng vẫn có thể dùng lại riêng cho tên này như đã dùng trong văn bản tiếng Anh: ví dụ *Schattenvachs*? *Fax* (*faks*) vẫn còn dùng ở Iceland và Na Uy nghĩa là “bờm”, nhưng *shadow* không có dạng tương đương tuyệt đối trong các ngôn ngữ Scandinavia. Bản Hà Lan để *Schaduwschicht* (“shadow-flash [ánh chớp trong bóng tối]”), bản Thụy Điển để *Skuggfaxe*. [*Bờm Bóng/ Scadufax*]

**Sharkey.** Chủ ý đây là một biệt danh đã thay đổi để hợp với NNC (tức là Anh hóa trong văn bản tiếng Anh), dựa trên từ tiếng Orc *sharkû*, “lão già”. Vì thế từ này nên giữ lại, biến đổi chính tả cho hợp với NND; đuôi *-ey* có tính giảm nhẹ và nửa trù mẫn cũng có thể thay đổi cho thích hợp. [*Cụ Shark*]

**Shelob.** Dù chữ này về âm đọc (theo tôi nghĩ) nghe rất có vẻ là tên phù hợp gọi con Nhện trong một thứ tiếng xa lạ (tiếng Orc), nhưng trên thực tế đây lại là ghép từ *She* và *lob* (một từ tiếng Anh phương ngữ nghĩa là “nhện”, xem bài hát của Bilbo ở *Hobbit* C8). Bản Hà Lan để nguyên *Shelob*, nhưng bản Thụy Điển để *Honmonstret* nghe có vẻ yếu ớt. [*Bà Nhện*]

**Shirriff(s).** Thực tế là dạng đã lỗi thời của A. *Sheriff*, “shire-officer”, tôi dùng để thấy rõ liên hệ với chữ *Shire*. Trong truyện chủ ý coi *Shirriff* và *Shire* là những từ *Hobbit* đặc biệt, không thông dụng trong NNC hồi đó, phải sinh từ ngôn ngữ trước đây vốn có họ với tiếng Rohan. Vì chủ ý không coi từ này không thuộc vào NNC mà là từ địa phương nên không cần thiết

phải dịch, nếu cần thay đổi chính tả cho hợp với phong cách NND là được. Tuy nhiên yếu tố đầu cần phải giống với chữ đã dùng cho *Shire* (xem mục từ này). [*Quận Cảnh*]

**Skinbark.** Cách dịch sang tiếng Anh (= NNC) từ *Fladrif*. Như vậy tên này cần dịch ý cho phù hợp. [*Da Vỏ Cây*]

**Smallburrow.** Tên Hobbit có nghĩa; dịch ý. [*Hang Nhỏ*]

**Snowmane.** Tên có nghĩa (tên con ngựa của vua Théoden), nhưng (cũng như *Shadowfax*) đã dịch sang dạng tiếng Anh hiện đại từ *snāw-mana*. Như vậy cần thay thế bằng dạng tiếng Rohan chuẩn là *Snawmana*, hoặc dịch (đặc biệt nếu NND thuộc nhóm German), vd Đ. *Schneemähne*. [*Tuyết Mao/Snawmana*]

**Stoors.** Tên loại Hobbit thứ ba, có thể hình lực lưỡng. Đây là tiếng Anh sơ kỳ *stor, stoor*, “to, khỏe”, giờ đã lỗi thời. Chủ ý coi đây là một từ Hobbit đặc biệt, không thông dụng trong NNC, nên không cần dịch mà có thể thay thế bằng cách viết “phiên âm” tùy cách dùng chữ cái trong NND. Nhưng dùng một từ cổ hoặc phương ngữ mang nghĩa này cũng chấp nhận được. [*Đại Cồ*]

**Swertings.** Theo Sam cho biết thì đây là tên dùng ở Shire chỉ những người da sẫm trong truyền thuyết (của Hobbit) ở các vùng “Sunland” (tít dưới mạn Nam). Có thể để nguyên, coi là một từ địa phương đặc biệt (không có trong NNC), nhưng vì đây hiển nhiên là phái sinh từ chữ *swart* nay vẫn còn dùng (= *swarthy* [ngăm đen]), nên cũng có thể thay thế bằng từ phái sinh tương tự từ “đen/sẫm” trong NND. Ss *Swarthy Men*, từ tương đương trong NNC (T3 Q5 C3). [*Swerting; bọn Da Ngăm*]

**Thistlewool.** Dịch ý. [*Len Cây Kê*]

**Took.** Tên Hobbit, không rõ xuất xứ, thay thế chữ Hobbit có thật là *Tūk* (xem Phụ lục F). Như thế tên này cần giữ lại và phiên âm theo quy tắc NND.

Các tên riêng nhà Took cần giữ nguyên dạng và cách viết, như *Peregrin, Paladin, Adelard, Bandobras* v.v. Lưu ý rằng biệt danh của *Bandobras*, “Bullroarer”, là NNC và cần dịch ý (điệp phụ âm đầu B nếu

được). Biệt danh này cũng xuất hiện trong *Hobbit C1, Bullroarer Took*. Khi viết cuốn đó tôi vẫn định ninh *bullroarer* là một từ dùng trong nhân học chỉ những nhạc cụ của các tộc người dã man phát ra âm thanh như tiếng rống; nhưng bây giờ lại không tìm được chữ đó trong các từ điển (ngay cả trong phiên bản Bổ sung của Từ điển Oxford). [*Took; Bandobras Bò Rống*]

**Treebeard.** Cách dịch chữ *Fangorn*. Dịch ý. [*Cây Râu*]

**Twofoot.** Dịch ý. [*Hai Chân*]

**Underhill.** Dịch ý. [*Gầm Đồi*]

**Wandlimb.** = *Fimbrethil*, nhưng không phải là cách dịch<sup>3</sup>. Dịch ý. Tên một Entwife. [*Nhánh Mảnh Mai*]

**Whitfoot.** Dịch như “white” [trắng] và “foot” [chân]. [*Chân Trắng*]

**Windfoal.** = “Wind-foal” [gió + ngựa non], nhưng để nguyên vì đây là tiếng Rohan (không phải NNC). [*Windfoal*]

**Wingfoot.** Biệt danh. Dịch ý: “winged-foot” [chân có cánh]. [*Chân Có Cánh*]

**Wizard.** Xem Chỉ mục<sup>4</sup>. [*Phù Thủy*]

**Wormtongue.** Dạng “hiện đại hóa” biệt danh của *Gríma*, tên cổ vấn ác độc ở Rohan = R. *wyrm-tunge*, “lưỡi rắn”. Dịch ý. [*Lưỡi Giun*]

**Woses.** Đây là dạng thay thế (hiện đại hóa) từ Rohan chỉ “những người hoang dã sống trong rừng”. Đây không hoàn toàn là từ mới tự đặt. Chữ Rohan thực theo giả định là *wāsa*, số nhiều *wāsan*, nếu còn tồn tại được tới tiếng Anh hiện đại thì ắt sẽ biến đổi thành *wooses*. Tốt hơn nữa nên gọi những “người hoang dã” này là *woodwooses*, vì chữ này thực sự tồn tại trong tiếng Anh Cổ: *wudewāsa*, gộp chung cả “*faunus, satyrus*, người dã man, các sinh vật tà ác”. (Từ này còn tồn tại tới tận thời Tudor dưới dạng *woodoses* (thường bị biến dạng thành *woodhouses*), còn lại cả đến nay trong hệ thống huy hiệu, trong đó *woodhouse* = “một người hoang dã lông lá, che thân bằng lá”, thường được miêu tả đang đỡ gia huy/quốc huy.) Yếu tố *wāsa* nguyên thủy chỉ một người cô độc hoặc bị bỏ rơi, đến nay có nghĩa là “trẻ mồ côi”

(vd Đ. *Waise* và HL. *wees*). Liên tưởng này hẳn là bắt nguồn từ sự tồn tại có thực của lớp dân hoang dã, tàn dư từ những tộc người ngày xưa bị quân xâm lược đánh đuổi, hay những kẻ ngoài vòng pháp luật, sống một cuộc đời hoang dã hạ tiện trong vùng núi rừng. [*Wose*]

# ĐỊA DANH

**Archet.** Đây là địa danh có thật ở Anh, xuất xứ Celt. Đưa vào hệ thống tên ở Bree để cho thấy có một nhóm tên gọi cổ xưa hơn các tên trong NNC hoặc tiếng Hobbit. Cũng vậy có *Bree*, một địa danh ở Anh gốc là chữ “đồi” trong tiếng Celt. Vì thế *Archet* và *Bree* cần giữ nguyên, vì những tên này không còn có nghĩa hiểu được trong tiếng Anh. *Chetwood* là một từ ghép nửa Celt nửa Anh, cả hai yếu tố đều = “rừng”. Ss *Brill* (Oxfordshire), phái sinh từ *bree* + *hill*. Vì thế với *Chetwood* giữ nguyên *Chet* và dịch *wood*. [*Archet*]

**Ashen Mountains.** Cách dịch sang NNC từ *Ered Lithui* (S. *orod*, số nhiều *eryd/ered*, “núi”; *lith*, “tro” + đuôi tính từ *ui*). Dịch ý sang NNC: dãy núi màu xám tro. [*Dãy Núi Tro*]

**Bag End.** Từ thông dụng chỉ “pudding-bag” [nghĩa đen “bọc đun bánh”], nghĩa là ngôi nhà hoặc nơi nằm cuối ngõ cụt. Dịch ý. Xem *Baggins*. Lưu ý: cần dùng chung một yếu tố trong NND cho cả *Baggins* và *Bag End*. [*Đáy Bao*]

**Bagshot Row.** Một dãy các “hole” [hốc ở của Hobbit] cỡ nhỏ trên dải đường nằm dưới Bag End. Tương truyền đặt tên đó là vì đất bới ra khi đào Bag End được “shot” [bắn] qua mép sườn đồi rất dốc, rơi xuống mặt đất nơi sau này là vườn tược và tường đất của các nhà nghèo khó hơn. Dịch ý tương đối, dùng lại yếu tố = “bag” trong NND. [*Dãy Lộn Bao*]

**Bamfurlong.** Địa danh ở Anh, nhiều khả năng từ *bean*, “đậu” + *furlong* (theo nghĩa “một miếng chia từ một cánh đồng chung”), tên đặt cho một dải đất thường dành riêng trồng đậu. Ngày nay, và chủ ý là thời kỳ trước trong Shire cũng vậy, tên đó không có nghĩa rõ ràng. Đây là tên trang trại của lão nông Maggot. Dịch cho phù hợp, nhưng tốt nhất là dùng từ ghép NND nào đó chứa từ chỉ “đậu” + “đồng, mặt đất được cày xới”. [*Luống Đậu*]

**Baránduin.** Nghĩa là “dòng sông dài màu nâu vàng”. Để nguyên không dịch: *Brandywine* dùng làm chữ tương ứng với biến dạng của S. *Baránduin*, trọng âm ở âm tiết giữa *ánd*. (S. *baran*, “màu nâu, nâu ngả vàng” + *duin*, “sông”: xem *Anduin*<sup>5</sup>.) Từ tiếng Elf phổ dụng là *duinē*: căn tố *dui*, “dòng chảy (cuồn cuộn)”. Dạng Quenya, nếu có, sẽ là *luine* (tiếng Quenya phụ âm đầu *d > l*), nhưng từ này không được dùng. Giữ nguyên khi viết theo cách này. Thường đổi thành *Brandywine* trong lời Hobbit; xem mục đó. [*Baránduin*]

**Barrow-downs.** Dịch ý: vùng đồi thấp không cây có rất nhiều “barrow”, nghĩa là nấm mồ đắp lên, hay các gò mộ tiền sử khác. Chữ *barrow* này không liên quan tới *barrow* trong ngôn ngữ hiện đại, “xe kéo có bánh”; đây là một từ dùng gần đây trong khảo cổ học, mượn từ phương ngữ Anh *barrow* (< *berrow* < AC. *beorg*, *berg*, “đồi, gò”). [*vết đồi Mộ Đá*]

**Barrowfield.** Xem mục trên. Dịch ý: cánh đồng có chứa một gò mộ. [*Đồng Mộ*]

**Battle Gardens; Battle Pit.** Dịch ý. [*Vườn Trận; Hồ Trận*]

**Better Smials.** Xem *Smials*. [*Smial Đẹp*]

**Black Country, Black Land.** Cách dịch sang NNC tên *Mordor*. Dịch. [*Đất Nước Đen, Vùng Đất Đen*]

**Black Stone.** Dịch ý. [*Hòn Đá Đen*]

**Blackroot Vale.** Dịch ý. Cách dịch sang NNC tên *Morthond* (tên sông, vì nguồn sông chảy từ các hang tối tăm nơi ở của the Dead Men). [*Lũng Rễ Đen*]

**Blessed Realm.** Dịch ý. Tên NNC, chỉ Far Western Land nơi các Valar (các quyền năng hộ vệ) cùng người High Elf sống, mà tiếng Quenya gọi là *Aman*; trong đó khu vực Valar ở gọi là *Valimar* hay *Valinor*, còn nơi Elf ở gọi là *Eldamar*. Blessed Realm đến lúc này không còn nằm trong thế giới vật chất, và trừ những trường hợp cực hiếm, không còn người trần nào tới được. [*Vương Quốc Hằng Phước*]

**Bonfire Glade.** Dịch ý. [*Trảng Cháy*]

**Brandy Hall.** Cần dịch, nhưng cần có cùng yếu tố đã dùng khi dịch tên sông (*Brandywine*). Trong trường hợp này có thể dùng lại nguyên chữ [tên sông] trong NND, ví dụ như *Branntwein* hay *Brendevin*, vì Brandy Hall nằm trên bờ Đông con sông. Vào tên người *Brandybuck* có thể rút gọn chỉ còn yếu tố đầu tiên, ví dụ *Brendebuk*? [*Dinh Bia Rum*]

**Brandywine.** Chữ này tương ứng với biến thể mà người Hobbit dùng cho tên S. *Baráduin* (trọng âm ở âm tiết thứ hai) (Phi lộ, T1 tr5). Vì dụng ý là tên này hiểu được vào thời kỳ đó nên cần dịch ý, nhưng nếu vậy lại có một khó khăn nữa vì nếu được thì cách dịch cũng phải là một biến dạng khả dĩ của chữ *Baráduin*. Bản Hà Lan để *Brandewijn*; bản Thụy Điển không nhận ra dụng ý đó nên dùng *Vinfluden*, dù *Brännavin* cũng đáp ứng được. ĐM. *Brendevin* hay Đ. *Branntwein* đều được. Xem *Brandybuck*. [*Bia Rum Dun*]

**Bree.** Giữ nguyên, vì đây là một tên xưa, đã mờ nghĩa, thuộc một ngôn ngữ xưa; xem *Archet*, về *Bree-hill*, *Bree-land*, giữ nguyên yếu tố đầu, dịch *hill* và *land*. [*Bree*; đôi *Bree*; Đạo *Bree*]

**Brockenbores.** Không phải là địa danh thực ở Anh (theo tôi nghĩ); nhưng chủ ý mang nghĩa hiểu được: “badgers’ borings; hầm do lửng đào”. Dịch ý này. Xem chú thích tên *Brockhouse*. [*Hầm Lửng*]

**Buck Hill, Buckland.** Yếu tố *buck* cần dịch. Xem chú thích các tên *Brandybuck*, *Oldbuck*. [*Đồi Hươu*; Trăn Hươu]

**Bucklebury.** Tên làng lớn nhất ở *Buckland*. Tên dịch có chứa yếu tố *buck* (như trên) + một chữ tương đương với A. *-bury* (= AC. *burg*, “một nơi nằm ở vị trí phòng thủ, có tường bao hoặc rào chắn; một thị trấn”; ss *Norbury*). Yếu tố *le* trong *Buckle-* hoặc coi là biến thể của *Buckenbury*, đuôi *-en(a)* cổ chỉ sở hữu số nhiều, hoặc coi là dạng tình lược của *Buckland*. [*Ấp Hươu*]

**Budgeford.** *Budge-* là một yếu tố đã mờ nghĩa, tới thời kỳ đó không còn nghĩa rõ ràng. Vì đây là nơi ở chính của nhà *Bolger* (một tên Hobbit

không được dịch), nên có thể coi đây là biến dạng của yếu tố *bolge, bulge*. Cả *Bolger* lẫn *Bulger* đều là những họ có tồn tại ở Anh. Dù xuất xứ thật là gì thì trong truyện cũng dùng với ngụ ý những chữ này vốn là những biệt danh chỉ sự béo hay mũm mĩm. [*Bến Budge*]

**Bywater.** Tên làng, vì nằm bên hồ nước rộng phình ra giữa dòng Water, sông lớn nhất ở Shire và là phụ lưu sông Brandywine. Dịch ý. [*Bờ Nước*]

**Chetwood.** Xem *Archet*, [*rừng Chet*]

**The Cleft** (“of the Spider”) = *Cirith Ungol*. Xem T2 Q4 C9, 10 và T3 Q6 C1. *Cirith* nghĩa là “cleft [kẽ nứt]”, lối thông hẹp cắt xuyên qua đất hay đá (như đường sắt xuyên núi). Dịch ý. [*Khe Nứt*]

**Cloudyhead.** (Dịch từ tiếng Dwarf *Bundushathûr*.) Dịch ý. [*Trán Mây*]

**Coomb.** Thung lũng sâu (nhưng thường không lớn lắm). Rất thường dùng làm một yếu tố trong các địa danh ở Anh với nhiều cách viết khác nhau như *-comb, -cumb, -combe*, v.v. Trong truyện này dùng trong tên *Deeping Coomb*, hoặc gọi tắt thành *Coomb*. Xem *Deeping Coomb*. [*Lòng Chảo*]

**Crack of Doom.** Trong cách dùng hiện đại bắt nguồn từ *Macbeth*, hồi IV cảnh 1 dòng 117; trong câu đó *the cracke of Doome* nghĩa là “dấu hiệu báo Ngày Cuối Cùng đã đến” qua một “crack” tức một tràng sấm rền: cách hiểu thông thường là như vậy, nhưng cũng có thể hiểu là “âm thanh của hồi kèn cuối cùng”, vì *crack* có thể dùng chỉ tiếng tù và hay trumpet đột ngột vang lên (như *Sir Gawain and the Green Knight* các dòng 116, 1166). Trong truyện này, *crack* được dùng theo nghĩa “fissure” [vết nứt, kẽ nứt], chỉ rãnh nứt phun dung nham quanh miệng núi lửa *Orodruin* ở Mordor. (Tôi đoán suy đến cùng cách dùng này xuất phát từ Algernon Blackwood, theo tôi mơ hồ nhớ thì đã dùng theo nghĩa này trong một cuốn sách của ông mà tôi đọc cách đây nhiều năm.) Xem thêm các mục *Doom* và *Mount Doom*. [*Khe Định Mệnh*]



**Crickhollow.** Tên địa danh ở Buckland. Dụng ý coi là từ ghép giữa một yếu tố lỗi thời + từ quen thuộc *hollow*. Yếu tố *-hollow* (chỗ trũng nhỏ trên mặt đất) có thể dịch ý, yếu tố *crick-* giữ lại (theo chính tả NND). [*Hõm Crick*]

**Deeping Coomb.** Đúng ra nên viết là *Deeping-coomb*, vì đuôi *-ing* trong *Deeping* không phải chỉ động từ, mà là chỉ quan hệ: cái *coomb*, tức là thung lũng sâu, nằm dưới và dẫn lên *Deep* (*Helm's Deep*). *Deeping Stream* cũng tương tự. [Bản in 1977 trở đi đã sửa lại chính tả - HS] [*Lòng Chảo Hẻm; Suối Hẻm*]

**Derndingle.** Treebeard nói đây là chữ Con Người dùng chỉ nơi hội họp của các Ent (T2 Q3 C4); vậy dụng ý là một từ NNC. Nhưng cần hiểu là cái tên bằng NNC này đã đặt từ cách đây rất lâu rồi, khi người Gondor còn biết hay nhớ về Ent nhiều hơn bây giờ. *Dingle* nay vẫn hiểu được, nghĩa là “thung lũng nhỏ rất sâu (rợp bóng cây)”, nhưng *dern*, “bí mật, giấu kín” từ lâu đã thành lỗi thời, tất cả những từ cùng gốc trong các ngôn ngữ German khác cũng vậy - chỉ trừ *Tarn-* trong Đ. *Tarnkappe* (từ CĐT.). Dịch ý, tốt nhất là chọn các yếu tố lỗi thời, thi ca, hay phương ngữ. [*Mật Cốc*]

**Dimholt.** Rừng toàn những cây thân màu tối chặn lối vào Dark Door. Hình thức tên này là tiếng Rohan, vì thế cần giữ nguyên không đổi, mặc dù *dim* vẫn còn thông dụng trong tiếng Anh (nhưng ở đây dùng theo nghĩa xưa hơn, là “ít biết, bí mật”), còn *holt* đôi lúc vẫn dùng trong ngôn ngữ thơ ca. [*Dimholt*]

**Dimrill Dale.** Tên bằng NNC, chỉ *Azanulbizar* trong tiếng Dwarf, S. *Nan Duhirion*. Dạng NNC này là cách dịch chuẩn xác: thung lũng có những dòng lạch “dim” (phủ bóng cây) chảy xuống theo các sườn núi. Dịch ý. Tương tự với *Dimrill Gate*, *Dimrill stair*. [*Lũng Lạch Râm; Cổng Lạch Râm; Bậc Lạch Râm*]

**Doom, Mount Doom.** Từ *doom* với nghĩa gốc là “sự phán xử” (luật pháp chính thức, hoặc cá nhân), trong tiếng Anh, phần vì âm của từ, phần lớn hơn vì cách dùng đặc biệt trong chữ *Doomsday* (\*) [ngày phán xét cuối

cùng = ngày tận thế], đã mang nặng các sắc thái liên quan đến cái chết, sự tận cùng, số mệnh (số phận đang đến gần, hoặc số mệnh được tiên báo).

(\*) Ngoài tiếng Anh, *doomsday* chỉ được bảo lưu trong các ngôn ngữ Scandinavia: I. *dómsdagur*, TĐ. *domedag*, ĐM. *dómmedag*; còn có Phần Lan *tuomipäivä*).

Chữ *doom* dùng trong văn bản làm từ tượng thanh (đặc biệt trong T1 Q2 C5) đi kèm với *boom*, tất nhiên chủ yếu là để tượng thanh, nhưng có dụng ý (sẽ được phần lớn người nói tiếng Anh nhận ra) liên tưởng tới danh từ *doom* hàm chỉ về thảm họa. Nhiều khả năng điều này không lặp lại được trong NND. Bản Hà Lan phiên âm *doom/boom* thành *doem/boem*, như vậy là được, và dù sao cũng được củng cố thêm nhờ động từ *doemen*; động từ này, đặc biệt ở thời quá khứ hoàn thành *gedoemd*, cũng đồng nghĩa với A. *doomed* (chịu xử chết, hoặc chịu số phận kinh hoàng). Bản Thụy Điển nói chung để *dom/bom*, nhưng đôi lúc chuyển thành *dum/bom*. Để như thế (theo chừng mực tôi thấy) là không thỏa đáng, vì chữ *dum* mang các liên tưởng khá lạc điệu, còn *dumbom* lại là từ chỉ “blockhead [đầu đát]” (Đ. *Dummkopf*).

*Mount Doom* là tên bằng NNC (dùng ở Gondor) chỉ ngọn núi lửa *Orodruin* (“núi mang ngọn lửa đỏ”), nhưng là cách dịch tên tiếng Elf khác của núi đó là *Amon Amarth*, “hill of doom”, đặt cho núi lò rèn của Sauron vì trong những lời tiên đoán cổ xưa ít người hiểu được, núi đó gắn liền với “doom”, định mệnh mà theo tiên đoán sẽ xảy ra khi Isildur’s Bane lại được tìm thấy: ss bài thơ T1 Q2 C2 tr316. Dịch theo ý: “Mountain (of) doom” (theo nghĩa “impending fate [số mệnh đang tới gần]”). Xem *Crack of Doom*. [Định Định Mệnh]

**Dunharrow.** Hiện đại hóa từ chữ Rohan “thật” *Dūnhærg*, “cái miếu dị giáo trên sườn đồi”; đặt tên này cho khu vực lánh nạn của người Rohan ở đầu *Harrowdale* vì nơi đây từng là đất thiêng của lớp dân cư sống trước đó (bây giờ là the Dead Men). Yếu tố *hærg* có thể hiện đại hóa khi sang tiếng Anh, vì nay vẫn còn dùng làm yếu tố cấu tạo tên địa danh, đặc biệt dưới dạng *Harrow* (*on the Hill* [trên đồi]). Từ này không có liên hệ gì với *harrow*

là cái bừa, mà là từ tương đương trong tiếng Anh Cổ với BAC. *hörg-r* (I. hiện đại *hörgur*), CDC. *harug*. Trong NND, tốt nhất nên thay bằng dạng gần tương tự với dạng Rohan. Bản Hà Lan *Dunharg* là được; bản Thụy Điển để *Dunharva*, có thể đoán là do họ hiểu *harrow* là cái bừa (TĐ. *harv*). [*Miếu Bên Đồi/Dunharg*]

**Dunland.** Chứa tính từ A. *dun*, nghĩa là “tối, u ám, màu xỉn”. Xem Phụ lục F. [*Dunland*]

**Dwarrowdelf.** Xem Phụ lục F [về số nhiều của Dwarf = “Dwarrow” - HS]. Được coi là cách dịch sang NNC từ tên thật của Moria: *Phurunargian*, để dạng cổ trong tiếng Anh vì bản thân *Phurunargian* đã là dạng cổ. Sắc thái “cổ” ở đây không quan trọng lắm; tên này khi dịch cần dùng yếu tố đã dùng để dịch Dwarf (hoặc biến thể của chữ đó) + một từ nghĩa là “mỏ, nơi đào xới, khai quật” - vd Đ. *Zwergengrube*? [*Mỏ Quặng Lùn*]

**Eastermnet.** Tiếng Rohan; giữ nguyên (dù có *east* nhưng đây không phải là tên bằng NNC, mà là tiếng Rohan nghĩa là “đồng bằng phía Đông”). Tương tự với *Eastfold*. [*Eastermet; Eastfold*]

**Eastfarthing.** Xem *The Farthings*.

**Elvenhome, Elven Door, Elven river.** Xem chú thích *Elven-smiths* trong phần Tên người.

**Entwade, Entwash, Entwood.** Đây vốn là những tên tiếng Rohan đã “hiện đại hóa”: *Entwæd, Entwæsc, Entwudu*. Các yếu tố đứng sau - *wæd* hay “khúc cạn”, *wæsc* hay “nước lũ”, *wudu* hay “rừng” - đã được chuyển sang dạng tiếng Anh hiện đại, vì trong dạng Rohan cũng dễ dàng nhận thấy mối quan hệ họ hàng với các từ trong NNC: nghĩa là những người dùng NNC, nhất là ở Gondor (và tất nhiên biết rõ các địa danh cũng như địa lý Rohan) cũng dùng những dạng đã đồng hóa vào ngôn ngữ mình. Vì thế các yếu tố - *wade, -wash, -wood* có thể dịch ý cũng được, nhất là nếu NND cũng chứa những yếu tố cùng gốc, như TĐ. *vad*, “quãng lộ”, về *Ent*, xem mục đó. [*Bãi Cạn Ent/Entwad, Luồng Ent/Entwasc, Rừng Ent/Entwudu*]

**Ettendales.** Dụng ý đây là tên bằng NNC (không phải tiếng Elf), dù chứa một yếu tố lỗi thời *eten* tức “troll, ogre [quỷ khổng lồ]”. Phần này cần giữ nguyên, trừ những ngôn ngữ vẫn còn giữ từ này dưới dạng nào đó, như ĐM. *jætte*, TĐ. *jätte*, I. *jötunn* = AC. *eoten*, AT. *eten*, *eten*, A. phương ngữ *yetën*.

Tương tự với *Ettenmoors*; *moor* ở đây dùng theo nghĩa phương Bắc là “vùng đất cao cằn cỗi”. [*Lũng Etten*; *Truông Etten*]

**(The) Farthings.** Xem Phi lộ, T1 tr11. Chính là từ *farthing* trong tiếng Anh (AC. *feorðing*, AT. *ferthing*), nghĩa là một phần tư xu; nhưng ở đây dùng theo nghĩa gốc là “phần chia tư, một phần tư”. Từ này theo mẫu *thriding* hay “phần chia ba” dùng làm đơn vị phân cấp [liền dưới] ở Yorkshire, mất âm đầu *th* khi theo sau *th* hay *t*: *Northriding*, *Eastriding*, *Westriding*. Cách dùng với các đơn vị đo lường khác, ngoài tiền, đã từ lâu lỗi thời trong tiếng Anh, và *farthing* từ tiếng Anh Trung đại thời kỳ đầu đã được dùng chỉ một lượng nhỏ không đáng kể, nên đối với người Anh mà nói, dùng chữ đó chỉ một phần Shire (diện tích chừng 18.000 dặm vuông) nghe rất khôi hài. Âm điệu này khó mà sao chép lại được. Nhưng có lẽ có thể dùng được những từ cùng gốc: như ĐM. *fjering*, TĐ. *fjarding*; hay Đ. *Viertal* (được dùng cho “region, district [khu vực, quận]”). [*Tổng Đông*, *Tổng Tây*, *Tổng Nam*, *Tổng Bắc*]

**Fenmarch.** Tên tiếng Rohan: dải đất biên cương lầy lội (fen [đầm lầy]) dọc bờ dòng *Mering Stream* (xem bản đồ) làm thành biên giới giữa *Rohan* và *Anórien*. Đúng ra cần gọi là *Fenmark*, nhưng vì chữ này xuất hiện ở T3 Q5 C3 và trên bản đồ nên tôi đã giữ lại; yếu tố *-mark*, hay là dạng *marche* trong tiếng Pháp (gốc German) cũng cùng nghĩa: “biên giới, (vùng) biên cương”. Vì là tên bằng tiếng Rohan, trong bản dịch hãy để *Fenmark*. [*Fenmark*]

**Firien.** Tên tiếng Rohan, tương ứng với một chữ cổ (AC. *firgen*, phát âm là *firien*) nghĩa là “núi”. Ss *Halifirien*, “holy-mount [đỉnh núi thiêng]”. Vì đây là một từ tiếng Rohan nên *firien* cần giữ nguyên. Có sự không nhất quán là *Firienfeld*, bãi đất phẳng lưng chừng *Dunharrow*, thì để lại không

hiện đại hóa (trong Chỉ mục để *Firienfield* là sai), nhưng *Firienholt* lại được đổi thành *Firienwood*, khu rừng quanh chân và trên các sườn núi *Halifirien*. Trong bản dịch tốt hơn hết là để lại cả hai không thay đổi, *Firienfeld*, *Firienholt*, vì là những tên bằng thứ tiếng khác (không phải NNC). [*Firienfeld*; *Firienholt*]

**Folde.** Tên tiếng Rohan, để lại không thay đổi. Từ này cũng gặp trong *Eastfold*, chữ này cũng phải để nguyên (ss *Eastemnet*). Đây là chữ AC. *folde* (BAC. *fold*), nghĩa là “đất đai, vùng đất, đất nước”, không liên quan tới động từ A. *fold*, [gấp] hay (*sheep*) *fold* [bãi quây (cừu)]. Ss *Vestfold* và *Østfold* ở Na Uy.

(*Folde* là trung tâm vương quốc Rohan, nơi ở của hoàng gia cùng thân thích đều đặt tại đây; ranh giới phía Đông là một đường gần thẳng chạy theo hướng Tây Nam từ giao điểm hai dòng *Snowbourn* và *Entwash* xuống đến dãy núi; *Eastfold* là vùng đất tính từ đường đó đổ về Đông cho tới *Fenmark* nằm giữa dòng *Entwash* và dãy núi; *Westfold* là dải đất tương tự chạy dọc dãy núi đến sông *Isen* thì dừng. Trung tâm phòng vệ của *Folde* và *Eastfold* là *Edoras*, của *Westfold* là *Helm's Deep*.) [*Folde*]

**Frogmorton.** Đây không phải địa danh có thật ở Anh, nhưng có chứa những yếu tố giống trong *Frogmore* (Buckinghamshire): *frog* + *moor* + *town*. Vì đây là tên hiệu được nên có thể dịch. Lưu ý là *moor/mor* mang nghĩa “miền đầm lầy”, như thường thấy trong các địa danh miền Nam hoặc nội địa nước Anh. [*ChuômẾchThôn*]

**Gladden Fields.** *Gladden* ở đây là tên chỉ cây “flag”, tức diên vĩ (AC. *glædene*), nay thường viết là *gladdon*, và không liên quan gì tới từ *glad* [vui mừng] và động từ *gladden* trong tiếng Anh. Dịch ý, nhưng nếu được thì tránh dùng cái tên “văn vẻ” *iris*. Tương tự với *Gladden River*, sông chảy vào *Gladden Fields*. [*Đồng Diên Vĩ*; *Sông Diên Vĩ*]

**Golden Perch.** Tên quán trọ; ắt hẳn là một quán yêu thích của giới câu cá. Dù sao *Perch* ở đây cũng là tên cá (chứ không phải đơn vị đo lường đất, hay sào cho chim đậu), [(*quán*) *Rô Vàng*]

**Great Smials.** Xem *Smials* trong phần Các khái niệm khác.

Từ mục này đến hết vần G trong Chỉ mục đều dịch ý: mọi tên trong đó đều là tiếng Anh hiện đại (= NNC). Tuy nhiên lưu ý: *Grimslade*, có nhắc tới ở T3 Q5 C6, nhà của *Grimbold* đã tử vong trong cuộc chiến, là từ *Grim* (hiển nhiên là tên một cụ tổ nào đó) + *slade* (AC. *slæd*, phương ngữ NU. *slad*), được dùng phổ biến trong địa danh Anh cho đến tận giờ, chủ yếu với nghĩa “trảng rừng”, “thung lũng nhỏ (đặc biệt là thung lũng trên triền đồi dốc)”. [*Smial Lớn*]

**Halifirien.** Tên tiếng Rohan; giữ nguyên. Xem *Firien*. [*Halifirien*]

**(The) Hallows.** Cách dịch sang NNC (T3 Q6 C5, 6) từ tên dùng ở Gondor (tên này không được biết) chỉ Khu Thiêng nơi đặt mộ (ss T3 Q5 C1). Dịch sang NND (bằng từ mang sắc thái cổ giả hoặc thơ ca nếu được). [*Linh Thất*]

**Hardbottle.** Ở Shire; nhà của họ Bracegirdle (ở North Farthing, bản đồ không có), *-bottle* là một yếu tố thường thấy trong địa danh Anh, AC. *botl*, biến thể của *bold* (*build* [xây dựng] trong tiếng Anh hiện đại là phái sinh từ chữ này), nghĩa là “chỗ ở (lớn)”; không liên quan tới *bottle*, “chai lọ thủy tinh”. So sánh *Nobottle* trên bản đồ Shire cỡ nhỏ, đây lại là địa danh có thật ở Anh (Northumberland). Dịch bằng những yếu tố thích hợp trong NND: mang nghĩa là “nhà cứng”; “cứng” là vì được đào vào đá, hoặc xây bằng đá (ở vùng Northfarthing lắm núi đá). Yếu tố tương đương, cùng gốc trong địa danh ở Đức là *-büttel*; ở Scandinavia là *-bol* (nhất là ở Na Uy). [*Xóm Đá*]

**Harrowdale.** Xem *Dunharrow*. [*Khe Miếu/Hargdal*]

**Haysend.** Khúc cuối [end] của *hay*, tức là bờ giậu làm ranh giới (không phải *hay* là “cỏ khô”). Dịch theo nghĩa “đoạn cuối hàng giậu”. Ss *High Hay*. [*Đuôi Giậu*]

**Helm’s Deep, Helm’s Dike, Helm’s Gate.** Helm là tên người, do đó cần giữ nguyên. [*Hẻm Helm, Hào Helm, Cổng Helm*]

**Hill of Guard.** Dịch, vì đây là tên NNC đặt cho *Amon Tirith*, ngọn đồi trên đó xây *Minas Tirith*. [*Đồi Canh*]

**Hoarwell.** Cách dịch sang NNC từ *Mith-eithel* = “xám nhạt” + “suối, nguồn suối”; *well* như thường thấy trong tên địa danh, mang nghĩa này (chứ không phải nghĩa giếng sâu chứa nước). Dịch. [*Nguồn Xám*]

**Hobbiton.** Xem *Hobbit* phần Tên người. Tên này cần được dịch bằng *hobbit* + một yếu tố nghĩa là “làng”. [*Hobbit Thôn*]

**Hold.** Trong *Hold of Dunharrow* mang nghĩa “stronghold, nơi trú ẩn được phòng thủ vững chắc”. [*Cứ Điểm*]

**Hollin.** Tên NNC (nói tắt của *Hollin-land*) chỉ đất nước mà tiếng Elf gọi là *Eregion*, “vùng đất cây nhựa ruồi”. *Hollin* là dạng cổ của *holly* [nhựa ruồi], nay vẫn dùng ở một số địa phương; vùng đất này mọc rất nhiều cây nhựa ruồi. Dịch. [*Đất Nhựa Ruồi*]

**Hornburg, Hornrock.** Đặt theo cây tù và [horn] lớn của Helm, nghe đồn nhiều lúc vẫn nghe thổi vang. Dịch. [*Lũy Tù Và; Hòn Lũy*]

**Irensaga.** Tiếng Rohan. Có nghĩa là “iron-saw [lưỡi cưa sắt]”, ám chỉ sống núi hay mỏm núi lởm chởm của dãy núi này; có thể để nguyên coi là tên bằng thứ tiếng khác, hoặc dịch ra (xem mục tiếp theo). [*Irensaga*]

*Isengard, Isenmouthe.* Những tên này chủ ý nhằm tương ứng với cách dịch sang NNC những tên tiếng Elf *Angrenost* và *Carach Angren*, nhưng là những cách dịch từ rất lâu về trước, đến nỗi tới thời kỳ xảy ra câu chuyện đã trở thành từ cổ và nghĩa gốc đã bị mờ đi. Vì thế có thể để nguyên cũng được, dù dịch ra (một hoặc cả hai yếu tố trong tên nào cũng vậy) sẽ là phương án thích hợp hơn, và tôi nghĩ là tốt hơn, nếu NND thuộc họ German và có những yếu tố cùng gốc.

*Isen* là một biến thể cũ của A. *iron*; *gard* là một từ German nghĩa là “sân có rào”, đặc biệt là rào quây quanh một nhà ở hay một nhóm công trình xây dựng; *mouthe* là phái sinh của *mouth*, tương ứng với AC. *mūða* (phái sinh của *mūð* là “mouth [miệng]”), nghĩa là “chỗ mở”, đặc biệt dùng cho miệng sông hay cửa sông, nhưng cũng có thể dùng cho những khe hở hay lỗ khác (không dùng cho các khiếu trên cơ thể). Tên gọi *Isengard*. tức “iron-court [sân sắt]” là vì đá ở đây rất cứng, đặc biệt là đá xây tòa tháp trung tâm.

Còn *Isenmouthe* là do hàng rào lớn bằng những cọc sắt nhọn, bít lấy con đèo dẫn vào *Udûn* này, như rặng mọc trong hàm (ss T3 Q6 C2).

Trong các bản Hà Lan và Thụy Điển, *Isengard* đều để nguyên. Với *Isenmouthe*, bản Hà Lan để *Isenmonde*, chỉ yếu tố sau được dịch hoặc đồng hóa vào tiếng Hà Lan. (Dịch trọn vẹn thành *Ijzermonde* tôi thấy sẽ tốt hơn). Bản Thụy Điển để là *Isensgap*, vậy là không đúng vì *Isen* đứng vai trò tính từ chứ không phải tên người.

Yếu tố *gard* có xuất hiện trong BAC. *garðr*, từ đó mà có các chữ thông dụng hoặc phương ngữ trong TĐ. *gård*, ĐM. *gaard*, A. *garth* (bên cạnh dạng chuẩn A. *yard*); chữ này mặc dù thường đi vào những nội dung nông na hơn (như A. *farmyard* [sân trại]) song vẫn xuất hiện chẳng hạn như trong BAC. *Ás-garðr*, mà nay phổ biến dưới dạng *Asgard* trong thần thoại [Bắc Âu]. Vào tiếng Đức chữ này mất từ sớm, ngoại trừ trong CDC. *mittin-* hay *mittil-gart* (những vùng đất có Con Người sinh sống) = BAC. *mið-garðr*, và AC. *middan-geard*: xem mục *Middle-earth*. Dạng cổ Đ. *-gart* của yếu tố này liệu có thích hợp để dịch hay đồng hóa vào tiếng Đức, ví dụ *Eisengart*?

Còn về *-mouthe*, yếu tố tương đương trong tiếng Đức có vẻ là *Mündung* (hoặc *-münde* trong địa danh); trong các thứ tiếng Scandinavia, ĐM. *munding*, TĐ. *mynning*.

Lưu ý. *Isengard* để theo dạng nào cũng phải dùng lại trong tên *River Isen*, vì tên này đặt theo *Isengard* là nơi bắt nguồn dòng sông. [*Isengard*; *Isenmouthe*]

**Lake Evendim.** Tên gọi NNC của *Nen Uial*, “mặt nước hoàng hôn”. Dịch ý: “chiều tối + nhá nhem/hoàng hôn/chạng vạng”. [*Hồ Bóng Tà*]

**Langstrand.** (Cách dịch từ *Anfalas*.) Đây là tên NNC, nên dịch ý: “long strand [bờ biển dài]”, Hiện tượng nhược hóa *long* > *lang* rất thường gặp trong địa danh Anh có thể bỏ qua. [*Cát Dài*]

**Limlight** (sông). Chính tả phần *-light* cho thấy đây là tên NNC; nhưng để nguyên yếu tố *lim-* đã mờ nghĩa và dịch *-light*: tính từ *light* = “sáng, trong trẻo”. [*Lim Sáng*]



**Lockholes.** Cũng như “lock-up [house]” của người Hobbit: nơi giam giữ. Dịch ý. [*Hốc giam*]

**Longbottom.** Yếu tố sau vẫn còn giữ nghĩa gốc (cả trong các địa danh thường gặp ở địa phương, và trong những họ xuất phát từ đó như *Ramsbottom*) là “thung lũng” (nhất là đầu thung lũng nằm trong núi); có họ với TĐ. *botten*, ĐM. *bund*; cả với Đ. *Boden*, nhưng nghĩa không hẳn sát. Dịch ý. [*Đáy Dài*]

**Lune.** Tên đã Anh hóa, tức là do người Hobbit dùng, từ tiếng Elf *Lhûn* (bản đồ để vậy). Như vậy đây là một tên bằng tiếng khác, cần giữ nguyên trong NND, nếu cần có thể đồng hóa vào chính tả của NND khớp với âm đọc là *lûn*. [*Lune*]

**Marish.** Dạng cổ của *A. marsh* [đầm lầy]. Dịch (nếu được, dùng một từ hoặc dạng hiểu được, nhưng là từ địa phương, hoặc nay không còn dùng). [*Chăm Lớn*]

**Mathomhouse.** Xem *Mathom* trong phần Các khái niệm khác. [*Viện Mathom*]

**Mering Stream.** Tên này xuất hiện trong bản đồ: “dòng nước ranh giới”. Giữ nguyên *Mering* vì là từ tiếng Rohan, không có trong NNC. (AC. *mære*, *mēre*, “ranh giới”.) [*Suối Mering*]

**Middle-earth.** Không phải là một mảnh đất, hay thế giới, hay “hành tinh” đặc biệt, như người ta vẫn quá thường cho là thế, dù trong Phi lộ (T1 tr1), văn bản và các phụ lục đã nói rõ rằng câu chuyện này diễn ra trên trái đất này, dưới những tầng trời nói chung vẫn y nguyên như bây giờ ta thấy. Nghĩa của chữ này là “những vùng đất có Con Người (và Elf) sinh sống”, theo hình dung là nằm giữa Western Sea và giữa biển ở Far East (ở phía Tây chỉ được biết đến qua lời đồn). *Middle-earth* (xem các từ điển) là biến thể hiện đại từ *middel-erde* trung cổ, từ AC. *middan-geard* (xem *Isengard*). Các bản Hà Lan và Thụy Điển đều làm đúng, dùng tên gọi “thần thoại” cũ đã đồng hóa vào NND hiện đại: HL. *Midden-aarde*, TĐ. *Midgård*. [*Trung Địa*]

**Midgewater Marshes.** Dịch ý. (Tên này đặt theo *Mývatn* ở Iceland, nghĩa cũng vậy.) [đầm lầy Nước Muối Vẩn]

**Mirkwood.** Tên mượn từ địa lý và truyền thuyết German cổ, còn lưu lại chủ yếu trong BAC. *myrkviðr*, tuy dạng xưa nhất được chép lại là tiếng Đức Cổ *mirkiwidu*. Tiếng Anh không còn lưu lại, dù bây giờ A. *Mirkwood*. lại dùng làm dạng tương ứng với BAC. *myrkviðr*. Dịch ý, dùng các yếu tố thơ ca hay cổ xưa nếu được. Bản Hà Lan để *Demsterwold*, Thụy Điển để *Mörkmården*, phần sau tôi không hiểu lắm, vì tôi chỉ biết có *mård* là tên con “marten [một loại chồn]” nuôi lấy lông (ĐM. *maar*). (Những người đã dịch thần thoại Bắc Âu sang các thứ tiếng Scandinavia hoặc Đức chắc phải mong muốn có cách nào tốt hơn?) [rừng Âm U]

**Mirrormere.** Cách dịch sang NNC từ *Kheled-zâram* (“hồ gương”) tiếng Dwarf; dịch ý. [Hồ Gương]

**Mount Doom.** Xem *Doom*.

**Norbury.** Cách dịch sang NNC từ *Forn-ost*. Dạng biến đổi [logic] của AC. *norð-burg*, nếu chữ này còn tồn tại làm địa danh trong tiếng Anh hiện đại, nghĩa là “thị trấn (được phòng vệ) ở phương Bắc”. Dịch ý, dùng những yếu tố cùng gốc trong NND nếu có. Tương tự với *Norland*, “(thuộc về) những vùng đất phía Bắc”, trong truyện này là những vùng được hình dung ở về phía Bắc Rohan. Dạng dài hơn *Northerland* (T1 Q2 C8 tr486) cũng chỉ về nơi đó. [Bắc Đô; Bắc thõ]

**Northfarthing:** xem *Farthing*.

**Over-heaven.** Dịch ý. Đây là từ tương đương trong NNC với *menel*, “vòm trời”, *tar-menel*, “trời cao” (T1 Q2 C1 tr300), mô phỏng BAC. *upphiminn*, bản Thụy Điển đã dịch đúng là *Upphimlen*. Bản Hà Lan để *Boven-hemel*. [Thượng Thiên Đường]

**Rivendell.** “Cloven-dell [thung lũng tách đôi]”: cách dịch sang NNC từ *Imladris(t)*, “thung lũng sâu trong kẽ nứt”. Dịch ý, hoặc giữ nguyên, tùy thế nào tốt hơn. Bản Hà Lan giữ lại dưới dạng *Rivendel*. (Bản Thụy Điển để

*Vattnadal*, như vậy không đúng và cho thấy người dịch tưởng *Riven-* là lấy từ *river*.) [*Thung Đáy Khe*]

**Rushey.** “Rush-isle [đảo cây cối]” (nguyên thủy là một “nền đất rắn” giữa các đầm lầy ở Marish.) Yếu tố *-ey, -y* mang nghĩa “đảo nhỏ” = TĐ. ồ, ĐM. ø, BAC. *ey* rất thường gặp trong địa danh Anh. (Chữ tương đương trong tiếng Đức là *Aue*, “đất bên sông, đồng cỏ bên sông”, cũng không phải là không thích hợp trong trường hợp này.) [*Đảo Cói*]

**Sam Ford.** Giữ lại *Sarn*. Chữ này chỉ dịch một nửa (từ *Sarn-athrad*, “khúc cạn đá”), cũng là một điều thường gặp trong địa danh. Từ *Sarn* tiếng Elf còn xuất hiện trong *Sarn Gebir*. [*Bến Sarn*]

**Scary.** Tên không có nghĩa dùng ở Shire; nhưng vì nằm trong một vùng nhiều hang và hốc đá (T3 Q6 C9), lại có một mỏ đá (có trên bản đồ Shire) nên có thể coi là mang từ phương ngữ Anh *scar*, “vách đá”. Để nguyên, trừ phi thay đổi cho hợp với chính tả NND. [*Scary*]

**Shire.** Một khu có tổ chức, có một “county-town [thị trấn thủ phủ của hạt]” (ss Phi lộ, T1 tr11). (Với Shire nơi các Hobbit sống, thủ phủ này là *Michel Delving*). Chữ này vẫn thông dụng trong tiếng Anh hiện đại, tức là thuộc vào NNC trong truyện, nên dịch ý.

*Shire*, AC. *scīr*, có vẻ từ rất sớm đã thay thế từ German cổ có nghĩa “district [quận]”, mà dạng xưa nhất là *gawi* tiếng Goth, nay còn lại trong HL. *gouw*, Đ. *Gau*. (Trong tiếng Anh, vì bị nhược hóa thành *gē* (phát âm là *yē*), từ này chỉ còn lại trong vài địa danh xưa mà nổi tiếng nhất là Surrey (từ *Suðer-ge*), “quận phía Nam”.) Từ này sẽ là từ tương đương gần nhất, cả về sắc thái cổ, cả về ý nghĩa chung so với Shire trong truyện. Bản Hà Lan dùng *Gouw*; *Gau* trong tiếng Đức tôi thấy có vẻ phù hợp, trừ phi việc gần đây bị dùng trong tái tổ chức vùng dưới chế độ Hitler đã bóp méo chữ vốn rất xưa này. Trong các ngôn ngữ Scandinavia (không có từ cùng gốc), cần dùng một từ khác (xưa càng tốt) mang nghĩa “district, province” v.v. Bản Thụy Điển dùng *Fylki* (thấy rõ là mượn từ tiếng Bắc Âu Cổ, đặc biệt là NU. *fylki*, “district, province”)- Thực tế tôi đang nghĩ đến từ *sýsla* trong tiếng Bắc Âu

Cổ và Iceland hiện đại (TĐ. *syssla*, ĐM. *sysssel*, giờ đã lỗi thời ở nét nghĩa *amt* nhưng vẫn còn gặp trong địa danh) khi viết rằng tên thật chưa dịch của Shire là *Súza* (Phụ lục F); sau đây còn nói (Phi lộ, T1 tr6) rằng đặt tên đó vì đây “là một quận *buôn bán* được tổ chức đâu ra đấy”. [*Quận*]

**Silverlode.** (Cách dịch từ *Celeb-rant* tiếng Elf.) Dịch ý: *silver* + *lode*, “đường chảy, dòng nước”. [*Mạch Bạc*]

**Silvertine.** (Cách dịch từ *Celeb-dil.*) Dịch ý: *silver* và *tine*, “cọc, sừng nhọn”. [*Chĩa Bạc*]

**Snowbourn.** Dạng hiện đại hóa từ R. (=AC.) *snāwburna*. Hoặc dùng *Snawburna*, hoặc nếu NND có những yếu tố cùng gốc thì hiện đại hóa tên đó cho phù hợp: vd *Schneebrunnen*, *Snebrønd*, *Snöbrunn*. [*Dòng Tuyết/Snawburna*]

**Staddle.** Tên làng ở Bree. *Staddle* giờ chỉ còn là phương ngữ, nhưng vẫn gặp trong địa danh = “nền, móng”, móng nhà, nền nhà kho, nền dựng đụn rơm v.v; từ AC. *staðol*. Dùng chữ tương đương cùng gốc trong NND (nếu có), như Đ. *Stadel*, hoặc đồng hóa vào chính tả của NND. [*Staddle*]

**Starkhorn.** Tên núi ở Rohan. Chữ này có thể giữ nguyên, vì không phải tên bằng NNC; nghĩa là một “horn” (đỉnh núi) “dựng thẳng đứng như cọc”. Trong tiếng Đức (và Thụy Điển) cũng có *stark* nên hẳn chữ này cũng đủ hiểu được. Bản Hà Lan để *Sterkhorn*, bản Thụy Điển *Starkhorn*. (Với độ giả tiếng Anh hiện nay, chữ *stark* gợi liên tưởng đến sự trần trụi, cứng đờ (vốn không có trong nghĩa gốc, mà do chữ này thường dùng miêu tả tình trạng co cứng tử thi, và dùng trong quán ngữ *stark-naked* [trần trùng trọc]), trong tiếng Đức có lẽ chữ tương ứng tốt hơn (?) sẽ là *starr*.) [*Starkhorn*]

**Stonewain Valley.** Dịch ý. Tên bằng NNC chỉ hẻm núi dài và hẹp, các “wain” (xe trượt, xe kéo) đi qua đó trên đường đến và về từ khu mỏ đá. [*Thung Xe Đá*]

**Stoning-land.** Thay thế R. *Stāning-(land)*, đây là cách dịch chữ *Gondor*. Vì chữ này đã được hiện đại hóa (tức là đồng hóa vào hình thức

tiếng Anh), nên cần dùng từ tương đương về từ nguyên của “stone” trong NND thay yếu tố trước, như *sten*, *stein*. [*Staningland*]

**Sunlands.** Dịch ý. Dụng ý rõ ràng cho đây là một cái tên phổ biến, trong cả NNC lẫn các thứ tiếng khác, thông dụng ở Gondor và phía Tây Bắc [Middle-earth] chỉ những đất nước ít biết đến dưới phương Nam xa xôi. [*các Xứ Năng*]

**Sunlending.** Đây thì lại là cách dịch sang tiếng Rohan từ *Anórien*, tên vùng đất nằm ngay sát *Minas Anor* (ban đầu bao gồm cả thành phố này cùng khu đất có người sống trải đến tận sông *Erui*). Như vậy tên này có ý miêu tả biểu tượng huy hiệu [mặt trời] hơn là khí hậu [năng], gắn với tên hiệu của hai con Elendil là *Anárion* và *Isildur*, tên người em được đặt cho *Ithilien*. Tên này chỉ xuất hiện trong thơ (T3 Q5 C3), được coi là dịch từ dân ca Rohan, nên cần đề nguyên. Cũng có thể viết là *Sunnlending* (thực tế là cách viết chính xác hơn) như bản Thụy Điển. Nhưng bản dịch Hà Lan để *Zuiderleen*, “đất phong phía Nam” là sai, vì khu “đất phong phía Nam”, còn gọi là *Outlands*, là từ chỉ những vùng đất ven biển phía Nam *Anórien*. [*Sunnlending*]

**Tarlang’s Neck.** Dịch *Neck* (vì nhằm thay thế NNC) và giữ nguyên *Tarlang*. Bản Thụy Điển để *Tarlangs hals*; bản Hà Lan để *Engte van Tarlang*.

Đây là một sống núi đá dài có đường vắt qua, nối liền khối chính của dãy núi với nhánh rẽ (gồm ba đỉnh) cắt đồng bằng *Erech* khỏi *Lamedon*. *Tarlang* ban đầu là tên sống núi này, sau trở thành tên người. [*Cổ Tarlang*]

**Teeth of Mordor.** Dịch phần *Teeth of*. [*Cặp Nanh Mordor*]

**Three-farthing stone.** Xem *The Farthings*. Dịch, dùng chữ nào đã chọn tương ứng với *farthing*. [*Hòn Tam Tổng*]

**Tighfield.** Dụng ý là chứa một từ xưa chỉ “dây thừng” (vẫn còn lại trong vài nét nghĩa danh từ *tie* trong tiếng Anh hiện đại, mà chính tả đã đồng hóa với chính tả của động từ cùng gốc *tie* [buộc]). Đây là nơi từng có một “rope-walk”, sân bện thừng. Tốt hơn hết là dịch bằng một từ chỉ “thừng”

khác với từ đã dùng trong *rope-walk*. (Cùng gốc với chữ này là I. *taug*, và chữ mang nhiều dị thể *tough*, *tov*, *tog* trong tiếng Đan Mạch và Na Uy; tiếng Đức còn có *tou* (xuất phát từ tiếng Đức Đê địa) trong ngành hàng hải).

Lưu ý: A. *rope-walk* xem ra đã bị nhiều người dịch hiểu nhầm; bản Thụy Điển chắc chắn hiểu nhầm, để *en repbro över älven borta vid Slättäng*. Truyện của tôi không nhắc gì đến sông (T2 Q4 C1; bản Thụy Điển trang 249). Cũng không dễ gì hiểu tại sao một “sợi thừng bắc làm cầu” qua sông lại giúp sinh ra kiến thức lưu truyền trong cả họ về bản chất của dây thừng hay cách làm ra thừng. Bản Hà Lan để *touwbrug*, mà tôi ngờ cũng là do hiểu nhầm. Tôi không biết thuật ngữ tương đương với *rope-walk* trong các ngôn ngữ khác là gì: tra từ điển thấy có Đ. *Seilerbahn*, và ĐM. *reberbane*, nhưng có thể những từ này cũng sai? Gọi sân làm thừng là *rope-walk* (đã xuất hiện trong tiếng Anh kể từ thế kỷ 17) vì thừng được căng thành những sợi dài qua các giá đặt cách quãng.

(TĐ. *Slättäng* và HL. *Weideveld*, tất nhiên không dịch đúng *Tighfield* theo định nghĩa trên, và hẳn chỉ là đoán trên văn cảnh. Tuy nhiên còn có một yếu tố tên địa danh (riêng có ở Anh) cũng đồng dạng với từ chỉ “thừng”, tuy chắc hẳn không liên quan: trong địa danh hiện đại là *tigh*, *teigh*, *tye*, *tey*. Chữ này nghĩa là “một mảnh đất có rào chắn”, nhưng không bao giờ đứng thành yếu tố đầu tiên trong dạng ghép.) [Đồng Chảo]

**Tindrock.** Tên bằng NNC (không phải cách dịch) đặt cho *Tol Brandir*, hòn đảo đá dốc đứng lừng lững không có đường lên nằm đầu chuỗi thác *Rauros*. Dù nguyên thủy là NNC nhưng tên này được đặt từ rất lâu trước khi có câu chuyện này, còn chứa từ cổ *tind*, “cọc nhọn”, mà nếu còn lại tới nay thì sẽ hiệp vần với *find*, v.v. Ngày nay nó xuất hiện dưới dạng *tine*, “răng, ngạnh”, chữ *d* đã mất. Từ tương đương là BAC. *tind-r*, CĐC. *zint*. Cũng có thể dùng *zint* coi như dạng cổ; nhưng Đ. *Zinne* thông dụng (và có lẽ cùng gốc) đã mang nghĩa chuẩn chính xác. Tương đương với chữ *Zinne* này, tiếng Thụy Điển có *Tinne*, ĐM. *Tind(e)* - có vẻ cũng thích hợp. *Tol Brandir* cần để nguyên vì là tên tiếng Elf. [Hòn Chĩa]

**Tower.** Mọi địa danh có *Tower(s)* trong Chỉ mục đều là cách dịch trong NNC đương thời, hoặc cách dịch của tác giả, từ những tên Sindarin, và cần phải dịch hết những phần bằng tiếng Anh.

**Treegarh** (of Orthanc). Về *garth*, xem *Isengard*. Dịch ý: *garth* là một khu đất hay mảnh vườn có rào quây, thường bao quanh một tòa nhà chính giữa (ở đây là *Orthanc*). [*Vườn Bao*]

**Udûn.** Để nguyên. [*Udûn*]

**Umbar.** Để nguyên. [*Umbar*]

**Underharrow.** Xem *Dunharrow*, *Harrowdale*. Làng nhỏ trong thung lũng nằm dưới *Dunharrow*. Dùng lại chữ đã dùng chỉ *harrow* (“miếu”) trong *Dunharrow*. [*Dưới Miếu/Underharg*]

**Upbourn.** *Up-* được dùng trong địa danh ở Anh chỉ các làng ven sông trên thượng nguồn con sông dùng làm tên (như *Upavon* ở Wiltshire), đặc biệt trong tương quan với những điểm dân cư lớn hơn gần cửa sông, như *Upwey* nằm cao hơn *Weymouth*. Làng này nằm bên sông *Snowbourn*, trên *Edoras* một quãng, nhưng vẫn thấp hơn *Underharrow*. Vì tên này đặt bằng dạng tiếng Anh đã hiện đại hóa nên có thể dịch ra nếu không gây khó khăn, hoặc giữ nguyên trong dạng chuẩn Rohan là *Upburnan*. [*Đầu Nguồn/Upburnan*]

**Watchwood.** Dịch. [*Rừng Canh*]

**Waymeet.** Trên bản đồ Shire ghi *Waymoot*, vào văn bản đã hiện đại hóa thành *Waymeet*, một làng nằm ở điểm ba con đường gặp nhau. Dịch ý cách nào thuận tiện. [*Chia Ngã*]

**Weathertop.** Dịch. Đây là tên NNC đặt cho ngọn đồi mà tiếng Sindarin gọi là *Amon Sûl*, “Đồi gió”. [*Đỉnh Gió*]

**Wellinghall.** Cách dịch sang NNC của *Treebeard* từ (“một phần”) tên nhà ở của mình. Dịch. Nghĩa ở đây là “tòa nhà (bên dưới hoặc đằng sau) nơi dòng suối thoát ra”. [*Sánh Nguồn*]

**Westemnet.** Tiếng Rohan: *emnet*, “vùng đất phẳng, đồng bằng”, tương đương với ĐM. *slette*, và với Đ. *Ebene* (cũng cùng gốc). Giữ nguyên, vì không phải tên bằng NNC; nhưng *West-* có thể thay đổi chính tả (bằng V chẳng hạn) trong ngôn ngữ nào không dùng *w*, vì từ chỉ *West* trong NNC và trong tiếng Rohan cùng là một, hoặc rất giống nhau. [*Westemnet*]

**Westemesse.** Tên NNC của *Númenor* (chữ này nghĩa là “vùng đất phía Tây”). Dụng ý là ghép từ *western* + *ess*, đuôi này được dùng cho các tên Pháp hóa một phần chỉ những miền đất “truyền thuyết”, như *Lyonesse*, hoặc *Logres* (nước Anh trong các truyền thuyết về vua Arthur). Tên này trên thực tế có trong truyện hiệp sĩ *King Horn* từ xưa, tên của một vương quốc có thể đi tào tời. Dịch bằng một từ đặt mới tương tự, có chứa *West-* hoặc từ tương đương. Bản Thụy Điển để *Västerness*, Hà Lan *Westernisse*. [*Tây Châu*]

**Westfarthing.** Xem *The Farthings*.

**Westfold.** Xem *Folde*.

**Westmarch** (ở Shire). Dịch: *march* = “vùng biên cương”. [*Biên Tây*]

**West Marches** (ở Rohan). Đây là dạng NNC và có thể dịch theo nghĩa “Vùng biên cương phía Tây”: ở Rohan, khu vực này tiếp giáp sông *Isen*. [*Tây Biên Thù*]

**Wetwang.** Cách dịch sang NNC từ *Nindalf* (S. *nîn* “ướt” + *talf* “đồng phẳng”)- Nhưng tên này ở dạng cổ, *wang* là từ cổ chỉ “cánh đồng, khu đất phẳng”. (*Wetwang* là tên địa danh có thực ở Yorkshire.) *Wet-* cần dịch sang NND, còn *wang* dịch ý. Nhưng với các thứ tiếng Scandinavia chắc không khó, vì đều có từ tương đương của cả A. *wet* lẫn *wang*: I. *votur* và *vangur*; TĐ. *vatt* và *vang*; ĐM. *vaad* và *vang*. Bản Hà Lan giữ nguyên *Wetwang*, mặc dù *Natwang* sẽ hay hơn; bản Thụy Điển để *Våta vägen*, nhưng không phải nghĩa đó và chữ này không phù hợp: *Wetwang* là một khu đầm lầy không có lối đi. *Wang* không còn giữ trong tiếng Hà Lan hay Đức (trừ tên địa danh hoặc phương ngôn). Đ. *Wange*, HL. *wang*, “má”, là một từ khác (tuy cùng gốc). [*Chăm Lộ*]



**Whitfurrows** (ở Shire). Dịch ý; *whit-* là dạng tính lược thông thường của *white* trong tên người (*Whitlock*) hay tên địa phương (*Whitley*). Tương tự với *Whitwell* ở Shire (địa danh có thực ở Anh). Trong địa danh Anh đây thường là nói đến màu đất. [*Luống Trắng*]

**Wilderland**. Một từ tạo mới (không tồn tại thực trong tiếng Anh) dựa trên *wilderness* (nghĩa gốc là vùng đất chỉ có những sinh vật hoang dã, không có Con Người sinh sống), nhưng có gợi đến các động từ *wilder*, “lang thang lạc lối”, và *bewilder* [làm hoang mang]. Đây coi là tên NNC chỉ *Rhovanion* (trên bản đồ, không có trong văn bản), vùng đất phía Đông Misty Mountains (gồm cả Mirkwood) cho đến tận River Running. Bản Hà Lan để *Wilderland*: tiếng Hà Lan có *wildernis*, nhưng tiếng Đức hay các ngôn ngữ Scandinavia thì không (Đ. *Wildnis*, ĐM. *vildnis*). [*Vùng Đất Hoang*]

**Withywindle**. Tên sông trong Old Forest, dụng ý là bằng ngôn ngữ Shire. Con sông này chảy ngoằn ngoèo, hai bên bờ mọc đầy liễu (*withy*). *Withy-* không hiếm gặp trong địa danh ở Anh, nhưng *-windle* trên thực tế không có (*withywindle* đặt mô phỏng *withywind*, một tên chỉ loài hoa bìm bìm). Tốt nhất là có sáng tạo từ những yếu tố thích hợp trong NND. Bản Hà Lan dịch rất tốt thành *Wilgewinde* (*wilg* = A. *willow*). Tôi không hiểu *Vittespring* trong bản Thụy Điển. Các từ cùng gốc với *withy* đều có trong các ngôn ngữ Scandinavia; Đ. *Weide* cũng cùng gốc. [*Liễu Gai Quấn Quýt*]

# CÁC KHÁI NIỆM KHÁC

Trong phần này của Chỉ mục, rất ít mục cần chú thích thêm, vì hoặc là mang tên các thứ tiếng khác (nhất là tiếng Elf), hoặc bằng tiếng Anh hiện đại (= NNC) thông thường và yêu cầu dịch bình thường.

**Elder Days.** Độc giả dùng tiếng Anh tất nhiên sẽ hiểu đây là “older” (nghĩa là “former” [trước kia]), nhưng kèm theo sắc thái cổ, vì tuy là dạng gốc của cấp so sánh hơn nhưng dạng này nay chỉ còn dùng cho người, hoặc dùng làm danh từ *Elders* (tiền bối, trưởng thượng). Đặt ra cụm từ mới này, tôi đã có dụng ý đó, kèm theo liên tưởng về từ *eld* hay dùng trong thơ ca, nghĩa là “tuổi già, đời xưa”. Sau này (gần đây) tôi đã gặp trong tiếng Anh sơ kỳ cách nói *be eldern dawes*, “vào thời tiền tổ chúng ta, rất lâu về trước”. Cụm từ này, nghĩa là “thời những bậc tiền bối”, có thể giúp đặt ra cách dịch không chỉ tương đương với “những ngày trước kia”. Bản Thụy Điển chỉ để đơn giản là *i Äldre tiden*; bản Hà Lan để *de Oude Tid* (kém chính xác hơn, vì tất nhiên chữ đó có thể dùng cho các kỷ nguyên khác trước Third Age).

(Sự giống nhau với *Eldar*, dạng số nhiều của *Elda*, “Elf”, chỉ là ngẫu nhiên không có chủ ý. *Elda* là dạng Quenya của S. *edhel*.) [(thời, thuở) Cựu Niên]

**Elven.** Xem chú thích ở *Elven-smiths* giải thích dạng tính từ cổ này.

**Evermind.** Tên hoa, dịch từ R. *simbelmynë*. Yếu tố *-mind* có nghĩa “ký ức”. Như vậy tên này tương tự “forget-me-not” [đừng quên tôi, hoa lưu ly], nhưng loại hoa nói đến lại thuộc loại khác hẳn: đây là một chủng cỏ chân ngỗng [anemone] tưởng tượng, cũng mọc trên lớp đất mặt như *Anemone pulsatilla*<sup>6</sup> hay bạch đầu ông [pasque], nhưng nhỏ hơn và trắng muốt như thu mẫu đơn [wood anemone]. Dịch ý. Bản Thụy Điển và Hà Lan đều bỏ mất yếu tố *-mind*, dẫn đến các tên tương đương với “hoa vĩnh cửu”, nhưng dụng ý không phải là thế. Dù cây ấy nở hoa suốt bốn mùa nhưng bản thân hoa thì không phải “bất tử”. (TĐ. *evighetsblommor*, HL. *Immerdaar*.) [hoa vĩnh ký]

**Ithilstone.** Dịch yếu tố sau *-stone*, [*quả cầu Ithil*]

**Kingsfoil.** Dịch: *-foil* (từ PC. *foil*) = “lá”, như trong *cinquefoil* [ý lãng], v.v. Cây *asëa* chỉ lá là có giá trị. [*lá vua*]

**Lithe.** *Lithe* trước và *Lithe* sau (AC. *líða*) là những tên cổ chỉ tháng Sáu và tháng Bảy. Tên tháng trong Lịch ở Shire tất cả đều là dạng (biến dạng) từ các tên tháng tiếng Anh Cổ. Trong lịch Hobbit, (*the*) *Lithe* là ngày chính giữa năm (ngày thứ 183). Vì tên tháng của người Hobbit được coi là không phải bằng NNC, mà là dấu vết được bảo lưu từ ngôn ngữ dùng ngày xưa trước thời di cư, nên tốt nhất là để nguyên *Lithe* - bởi các tên còn lại trong lịch chắc chắn phải làm thế, dù dịch các Phụ lục ra tiếng nào. Bản Hà Lan giữ lại *Lithe*. (Chữ này của riêng tiếng Anh, không có chữ nào tương tự trong lịch pháp ở đâu cả.) Bản Thụy Điển viết lại cả đoạn “... chức vụ này cứ mỗi bảy năm được bầu một lần ở Hội chợ Tự do trên khu Đồi Trắng vào ngày *Lithe*, tức ngày Hạ Chí” (Phi lộ, T1 tr12) thành: *Han valdes vart sjunde år vid midsommarvakan uppe på kritklipporna i sommarsolståndets natt* [Người này được bầu bảy năm một lần trong đêm vọng chính giữa hè trên vách đá phấn vào đêm hạ chí]. Ở đây, ngoài việc bỏ mất “Free Fair” và dịch nhầm *White Downs* (tên địa danh) thành “vách đá phấn” (!), còn diễn giải sai ý đoạn văn cùng những phong tục miêu tả rõ ràng ở đây. Đó không phải là một lễ hội ban đêm, hay “đêm vọng”, mà là ngày hội ban ngày, có tổ chức một “Free Fair” (bản Hà Lan *Vrije Markt*), gọi như vậy vì ai muốn cũng có thể dựng rạp bán hàng không mất phí. Người dịch đã nhập đoạn này vào lễ hội hạ chí Scandinavia, vốn đã Kitô hóa trên danh nghĩa bằng cách kết hợp với ngày lễ Thánh John Tây Giả (24 tháng Sáu), diễn ra cũng loanh quanh mấy ngày đó (I. *Jónsvaka, Jónsmessa, ĐM. Sankthansnat, Skaersommernat*, v.v.). Nhưng việc này đâu phải là một Giấc mộng đêm hạ chí!

*Yule*, ngày giữa đông, chỉ xuất hiện trong Phụ lục D (\*), nhưng khi dịch cũng cần được coi là từ lạ như *Lithe*, không thông dụng trong NNC. Vì thế chữ này cần giữ nguyên, dù có thể để chính tả phù hợp với NND: ví dụ như tiếng Đan Mạch hay Đức viết là *Jule*, cho khớp với *Lithe*. *Yule* có gặp trong tiếng Anh hiện đại (hầu hết đều là từ cổ dùng trong văn chương), nhưng chỉ

tình cờ và không thể coi là dấu hiệu cho thấy một từ tương tự, hay cùng gốc, cũng tồn tại trong NNC thời điểm ấy: lịch người Hobbit dùng khác hoàn toàn so với các lịch chính thức bằng NNC. Tuy nhiên, có thể giả định rằng từ này dưới dạng nào đó đã được con người phương Bắc dùng, khi họ tới sống và hợp thành một phần đông đảo trong dân cư Gondor (Phụ lục A), sau này dùng ở cả Rohan, nên một từ tựa như *Yule* đã được biết đến ở Gondor, như một “tên trên Bắc” dùng chỉ lễ hội giữa mùa đông. Gần giống như trong tiếng Đức hiện đại lại xuất hiện *Jul* (? vay mượn từ phương Bắc), trong những từ như *Julblock*, “Yule-log [khúc củi đun lễ Yule, hay Giáng sinh]” và *Julklapp* (trong tiếng Thụy Điển, và tiếng Đan Mạch cũng tương tự). Ở Scandinavia, tất nhiên *Jule* là đủ hiểu rõ.

(\*) Ngày giữa đông chỉ xuất hiện một lần trong phần truyện chính. Lễ hội giữa mùa đông không phải là phong tục của Elf, do đó hẳn không được tổ chức ở Rivendell. Tuy nhiên, Đoàn hộ Nhẫn ra đi ngày 25 tháng Mười hai, vào thời điểm đó không mang ý nghĩa đặc biệt gì, vì thời ấy Yule hay ngày tương đương mới là ngày cuối năm cũ, đầu năm mới. Tuy ngày 25 tháng Mười hai (họ khởi hành) và 25 tháng Ba (họ hoàn tất nhiệm vụ) đều là do tôi cố ý chọn. [*Lithe; Yule*]

**Longbottom Leaf.** Xem *Longbottom* phần Địa danh. [*Lá Đáy Dài*]

**Mathom.** Để nguyên; đây không phải là NNC mà là từ đặc thù của Hobbit (so sánh *Smials*, xem Phụ lục F). Định nghĩa từ này có ở Phi lộ, T1 tr7: “bất kể thứ gì người Hobbit không sử dụng trước mắt, song lại chẳng nở lòng vứt bỏ”. Chữ này tương ứng với AC. *mádm*, “vật quý, của báu”. [*mathom*]

**Old Toby.** Một chủng thuốc lá, đặt theo tên *Tobold* (*Hornblower*). Dùng bất kỳ dạng tương đương nào của *Toby* dùng cho tên người. [*Già Toby*]

**Old Winyards.** Một loại rượu vang - nhưng tất nhiên thực tế là tên địa danh, nghĩa là “the Old Vineyards [các vườn nho cổ]”. *Winyard* trên thực tế vẫn còn được bảo lưu làm tên địa danh ở Anh, xuất phát từ tiếng Anh Cổ

trước khi đồng hóa *vin-* từ tiếng Pháp và La tinh. Biến đổi này tôi nghĩ là không bắt buộc được, nên đành phải hài lòng với từ chỉ “vineyard” trong NND, như *Weingarten, vingaard*, v.v. (HL. *Oude Wijngaarden*.) Bản Thụy Điển, không vì lý do xác đáng gì (trừ khi không nhận ra nổi *Winyards* có họ hàng với *vingård*), cứ thế bỏ cả cái tên. [*Vườn Nho Cũ*]

**Púkel-men.** Tiếng Rohan, chỉ những hình nhân con người thuộc một chủng tộc đã diệt vong. Từ này tương ứng AC. *púcel* (vẫn còn lại dưới dạng *puckle*), một trong những dạng của căn tố *pūk-* (phổ biến khắp Anh, Wales, Ireland, Na Uy và Iceland) chỉ quỷ [devil] hoặc một yêu tinh nhỏ, vd Puck [trong *Giấc mộng đêm hè*], thường dùng chỉ những người xấu xí dị dạng. Các *púkel-men* đã được miêu tả kỹ, và yếu tố *púkel* có thể giữ nguyên - hoặc thay thế bằng chữ khác có hình thức và ý nghĩa gần gũi (có thể là cùng gốc) trong NND. (Bản Hà Lan để *de Púkel-mensen*, Thụy Điển để *Pukel-männén*.) [*hình nhân Púkel*]

**Rope-walk.** Không có trong Chỉ mục, nhưng xuất hiện ở T2 Q4 C1 làm tên thuật ngữ chỉ sân làm việc của thợ bện thừng. Xem *Tighfield*. [*sân bện thừng*]

**Smials.** Một chữ dùng riêng của người Hobbit (không phải NNC), nghĩa là “*burrow* [hang hốc]”; để nguyên. Đây là dạng khả thể của AC. *smygel*, “hang hốc” nếu còn lại đến ngày nay. Đây cũng là yếu tố dùng trong tên thật của Gollum, *Sméagol*. Xem Phụ lục F. [*Smial*]

**Springle-ring.** Từ đặt mới. Chuyển thành từ tương tự, thích hợp với NND, miêu tả một điệu nhảy vòng tròn rất sôi nổi, mọi người thường nhảy lên cao. [*Xoay Vòng Tưng*]

**Tale** trong *Tale of Years* nghĩa là “tính, đếm”.

**Westmansweed.** Dịch, vì đây là chữ NNC chỉ “herb of the Men of the West [loài cỏ của Con Người từ phương Tây]” (nghĩa là từ *Westernesse, Númenor*). [*cỏ người tây*]

# **DANH MỤC ĐỐI CHIẾU CÁC TÊN RIÊNG VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM**



		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
<b>A-Ă-Â</b>			
		Á Tiên	Halfelf
		ác hồn Mộ Đá	Barrow-wight(s)
		Anh Đào Vàng	Goldberry
	Gandalf	Áo Choàng Xám	Greyhame
	rừng	Ăm U	Mirkwood
		Ấp Hươu	Bucklebury
		Ấp Mới	Newbury
		Ấp Tuck	Tuckborough
<b>B</b>			
		Ba Tháp Trắng	White Towers
		Bà Nhện	Shelob
		Bãi Cạn Ent	Entwade
		Bãi Thạch Nam Úa	Withered Heath
		Bàn Chân Oách	Proundfoot
		Bạn Tiên	Elf-friend
		Bánh Bao Bột	Flourdumpling
		Bảo Bối	Precious
		Bao Gai	Baggins
		Bắc Đô	Norbury
		Bắc thố	Norland
		Bạc Lạch Râm	Dimrill Stair
		Bể Chia Cát	Sundering Seas
		Bến Budge	Budgeford
		Bến Cũ	Old Ford
		Bến Sarn	Sarn Ford
		Bì Bột	Fallohide
		Bia Rum Đun	Brandywine
		Biên Cảnh	Bounders
		Biên Tây	Westmarch
		Bồ Già	Gaffer
		Bò Rống	Bullroarer
		Bolger Bự	Fatty Bolger
		Bơ Gai	Butterbur
		Bờ Bên Này	Hither Shores
		Bờ Giậu Cao	High Hay Hedge
		Bờ Nước	Bywater



		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		Bờm Bóng	Shadowfax
		Bố Hai Chân	Daddy Twofoot
		Bống	Chubb
	những người	Bội Ước	Oathbreakers
	quán	Bụi Thường Xuân	Ivy Bush
		Búp Tóc Lá	Leaflock
		Búng	Grubb
		Bướu Ủ	Fatty Lumpkin
<b>C</b>			
	sông	Cái Nước	the Water
		Cát Dài	Langstrand
		Cát Mịn	Sandyman
		Cảng Xám	Grey Havens
		Cẳng Sếu	Longshanks
		Cận Harad	Near Harad
		Cầu Cuối	Last Bridge
		Cây Nhanh Nhâu	Quickbeam
		Cây Râu	Treebeard
		Châm Lội	Wetwang
		Châm Lớn	Marish
		Chân Có Cánh	Wingfoot
		Chân Đạp Bùn	Paddifoot
		Chân Lửa	Firefoot
		Chân Tháp	Undertowers
		Chân Tơ	Harfoot
		Chân Trắng	whitfoot
		Chật Nịt Quần	Bracegirdle
		Châu Thổ (sông)	Mouths of Entwash
		Luống Ent	
	rừng	Chet	Chetwood
		Chia Ngà	Waymeet
		Chĩa Bạc	Silvertine
		Chim Lợn	Stormcrow
		Chủ Dinh	Master of the Hall
		Chủ Trấn Hươu	Master of Buckland
	Gwaihir	Chúa Gió	Gwaihir the Windlord
		Chúa tể những chiếc Nhẫn	Lord of the Ring(s)

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		ChuômẾch Thôn	Frogmorton
	đất	Chư Hấu	Outlands
		cỏ hút	pipe-weed
		cỏ người tây	westmansweed
		Con Người	Man/Men
		Cổ Ngữ	Ancient Tongue, Ancient Speech
		Cổ Tarlang	Tarlang's Neck
		Cổ Thế Giới	Ancient World
		Cổng Giậu	Hay Gate
		Cổng Helm	Helm's Gate
		Cổng Lạch Râm	Dimrill Gate
		Cổng Sừng Đỏ	Redhorn Gate
		Cù Lao Đai	Girdley Island
	dây	Cụ Nghoéo	Sharkey's End
		Cụ Shark	Sharkey
		Cúc Vạn Thọ	Marigold
	cầu	Cung Đá	Bridge of Stonebows
		Cung Quốc Quản	House of the Stewards
		Cung Vua	House of the Kings
		Cứ Điểm	Hold (of Dunharrow)
		Cửa Núi Rohan	Gap of Rohan
	thời, thuở	Cựu Niên	Elder Days
		Cựu Thế Giới	the Old World
		Cựu Tộc	Elder Race
<b>D-Đ</b>			
	bọn	Da Ngăm	Swarthy Men
		Da Trắng	Whiteskins
		Da Vô Cây	Skinbark
		Dây Lộn Bao	Bagshot Row
		Dây Mới	New Row
		Dãy Núi Angmar	Mountains of Angmar
		Dãy Núi Bóng Đêm	Mountains of Shadow
		Dãy Núi Lam	Blue Mountains
		Dãy Núi Lune	Mountains of Lune
		Dãy Núi Mù Sương	Misty Mountains
		Dãy Núi Trắng	White Mountains
		Dãy Núi Tro	Ashen Mountains

	<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
	Dãy Núi Xám	Grey Mountains
	Dãy Vi Sơn	Encircling Mountains
	Dân binh Quận	Shire-muster
	Dân Thấp Bé	Little Folk
	Dân Cao Lớn	Big Folk
	Dinh Bia Rum	Brandy Hall
	Dòng Tuyết	Snowbourn
	Đoi Bắc	North Undeep
	Đoi Nam	South Undeep
	Dunharg	Dunharrow
	Dưới Miếu	Underharrow
	Dương Xi	Ferny
	Đại Cốc	Stoors
	Đại Mạch	Barliman
	Đài Viễn Vọng	Seat of Seeing
	Đạo Bree	Bree-land
	Đào Cói	Rushey
	Đào Hang	Tunnelly
	Đáy Bao	Bag End
	Đáy Dài	Longbottom
	Đáy Liễu	Willowbottom
	Đầm Lầy Chết	Dead Marshes
	Đầm Qua Sông	Overbourn Marshes
	Đám Thiên Nga	Swanfleet
	Đập Đá	Quarry
	Đất Nhựa Ruối	Hollin
	Đầu Nguồn	Upbourn
	Đèo Thương	High Pass
	Đêm Hư Vô	Night of Naught
	Đìa Cói	Rushock Bog
	Đỉnh Định Mệnh	Mount Doom
	Đỉnh Gió	Weathertop
	Đỉnh Ma Ám	Haunted Mountain
	Đoàn Áo Xám	Grey Company
	Đoàn hộ Nhẫn	Fellowship of the Ring
	Đồi Canh	Hill of Guard
	Đồi Hươu	Buck Hill
	Đồi Mắt	Hill of the Eye

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
	khu	Đồi Rìa	Far Downs
	khu	Đồi Tháp	Tower Hills
	khu	Đồi Trắng	White Downs
		Đồi Viễn Thính	Hill of Hearing
		Đồi Viễn Vọng	Hill of Sight
	khi	Đồi Xanh	Green Hills
		Đội Quân Bóng	Shadow Host
		Đội Quân Xám	Grey Host
	vùng	Đống Cầu	Bridgefields
		Đống Chảo	Tighfield
		Đống Chiến Trận	Battle Plain
		Đống Diên Vĩ	Gladden Fields
		Đống Mộ	Barrowfield
		Đống Xanh	Greenfields
	các	Động Lấp Lánh Aglarond	Glittering Caves of Aglarond
		Đuôi Giậu	Haysend
<b>E</b>			
		Ent hội	Entmoot
		Ent nương	Ent-maiden
		Ent phụ	Ent-wife
		Entwad	Entwade
		Entwasc	Entwash
		Entwudu	Entwood
<b>F</b>			
		Fenmark	Fenmarch
		Firienholt	Firien Wood
		Fyrfot	Firefoot
<b>G</b>			
		Gác Giậu	Hayward
		Gandalf Áo Xám	Gandalf the Grey
		Gấm Đồi	Underhill
		Già Gameling	Gamling the Old
		Già Toby	Old Toby
		Già Took	Old Took
		Gò Mundburg	Mounds of Mundburg
		Greghama	Greyhame

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
<b>H</b>			
		Hải Tặc	Corsairs
		Hang Nhỏ	Smallburrow
		Hang Thỏ	Burrows
		Hào Helm	Helm's Dike
		Hargdal	Harrowdale
		Hạt Took	Tookland
		Hắc Thuật Sĩ	Necromancer
		Hầm Lũng	Brodensborings
		Hẻm Helm	Helm's Deep
		Hoa Mộng	Dreamflower
		Hobbit Thôn	Hobbiton
		Hõm Crick	Crickhollow
		Hòn Carrock	Carrock
		Hòn Chia	Tindrock
		Hòn Lũy	Hornrock
		Hòn Tam Tổng	Three-Farthing Stone
		Hồ Bóng	Shadowmere
		Hồ Bóng Tà	Lake Evendim
		Hồ Dài	Long Lake
		Hồ Gương	Mirrormer
		Hồ Mặt Chết	Mere of Dead Faces
		Hồ Đen	Black Pits
		Hồ Trận	Battle Pit
		Hốc Dài	Longholes
		Hốc giam	Lockholes
		Hốc Thị Chính	Town Hole
		Hội Đồng Hành	Company of the Ring
		Hội Đồng Thông Thái	the Wise
		Hội Đồng Trắng	White Council
		Hươu Bia Rum	Brandybuck
<b>K</b>			
		Kẻ Thù	the Enemy
		Khe Định Mệnh	Cracks of Doom
		Khe Miếu	Harrowdale
		Khổng Tượng	Oliphaunt
		Khu Đồi Bắc	North Downs
		Khu Đồi Gió	Weather Hills
	quán	Khúc Gỗ Trôi	Floating Log

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		Kiếm Sĩ Trên Trời	Swordsman of the Sky
		Kim Ngân	Goatleaf
		Kỳ Đệ Nhất (Nhị, Tam, Tứ)	First (Second, Third, Fourth) Age
		Ký Lục Triều Đình	King's Writer
<b>L</b>			
		Lá Đáy Dài	Longbottom Leaf
		lá vua	kingsfoil
	Legolas	Lá Xanh	Legolas Greenleaf
		Lão Cổ Liễu	Old Man Willow
		Lão Hươu	Oldbuck
		Lâm Tiên	Silvan Elf
		Lặt Gai	Pickthorn
		Len Cây Kế	Thistlewool
		Leohtfot	Lightfoot
		Liễu Gai Quấn Quít	Withywindle River
		Lim Sáng	Limlight
		Linh Thất	the Hallows
		Lôm Đông	East Bight
		Lòng Chảo Hèm	Deeping-coomb
		Lớp Cựu Niên	Elder Kindred
		Lũ Xám	Greyflood
		Lũng Etten	Ettendales
		Lũng Lạch Râm	Dimrill Dale
		Lối Người Chết	Paths of the Dead
		Lũng Rể Đen	Blackroot Vale
		Luống Ent	Entwash
		Luống Đậu	Bamfurlong
		Luống Trắng	Whitfurrows
		Lũy Tủ Và	Homburg
		Lữ Hành Xám	Grey Wanderer
		Lừa Đầu	Firstborn
		Lực lượng vũ trang Hobbit	Hobbitry-in-arms
		Lưỡi Đất	Tongue
		Lưỡi Giun	Wormtongue
<b>M</b>			
		Ma Nhẫn	Ringwraith

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		Mạch Bạc	Silverlode
		Mạch Tươi	River Shirebourn
		Mắt Kim	Needlehole
		Mặt Mụn	Pimple
		Mặt Cốc	Derndingle
		Miền Hoang Vu	the Wild
		Miểu Bên Đồi	Dunharrow
	thị trấn	Mỏ Cộ	Michel Delving
		Mỏ Nhỏ	Little Delving
		Mỏ Quặng Lùn	Dwarrowdelf
		Mỏ Thạch	Standelf
	vết đồi	Mộ Đá	Barrow-downs
		mộc lâu	flet
		Mũi Đốt	Sting
		Mũi Lórien	Gore (Naith of Lórien)
		Mũi Tên Đỏ	Red Arrow
		Mỹ Nhi	Fairbairns
	người	Mỹ Tộc	Fair Folk
<b>N</b>			
		Nam Linch	Southlinch
		Nanh	Fang
	cặp	Nanh Mordor	Teeth of Mordor
		Nến Lôi Bắc	Rushlight
		Ngài Cứu	Mugwort
		Ngoài Rìa	Outside
		Ngoạm	Grip
		Ngọc Tiên	Elfstone
		Ngón Chân Thạch Nam	Heathertoe
		Ngọn Cô Độc	Lonely Mountain
		Ngôi Nhà Ấm Cúng Cuối Cùng	Last Homely House
		Ngôi Sao Đêm	Evening Star
		Ngôn Ngữ Chung	Common Speech
		Nguồn Dài	Langwell
		Nguồn Trắng	Whitwell
		Nguồn Xám	Hoarwell

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
	<b>quán</b>	Ngựa Lống	the Prancing Pony
		Người hành hương Áo Xám	Grey Pilgrim
		Người Lùn	Dwarves
		Người Mang Nhẫn	Ring-bearer
		Người Ti Hồn	Halfling
		Nhà Lũng	Brockhouse
		Nhà Táo	Appledore
		Nhánh Mảnh Mai	Wandlimb
		Nhẫn Chúa	One Ring
		Nhẫn Kim Cang	Ring of Adamant
		Niên lịch Quận	Shire-reckoning
	<b>dải</b>	Noman	Noman-lands
		Núi Lửa	Fire/Fiery Mountain
		Nước Đỏ	Redwater
	<b>đầm lầy</b>	Nước Muối Vắn	Midgewater Marshes
		Nước Ổn	Loudwater
<b>O-Ô-Ơ</b>			
		Ở Lỗ	Holman
<b>P</b>			
		Phà Ấp Hươu	Bucklebury Ferry
		Phố Hàng Đèn	Lampwrights' Street
		Phố Tĩnh Mịch	Silent Street
		Phù Thủy	Wizard
	<b>hình nhân</b>	Púkel	Púkel-men
<b>Q</b>			
		Quả Đồi	Hill
		Quán Bỏ Không	Forsaken Inn
		Quán Cầu	Bridge Inn
		Quận	the Shire
		Quận Cảnh	Shirriff
		Quận hội	Shire-moot
		Quê Tiên	Elvenhome
		Quốc Quản	Steward
		quỷ khổng lồ	Troll
<b>R</b>			
		Rạch Xám	Greylin



		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		Radagast Áo Nâu	Radagast the Brown
		Rãnh Người Chết	Deadmen's Dike
		Rặng Núi Kinh Hoàng	Mountains of Terror
		Rèm Nước	Curtain
	quán	Rô Vàng	Golden Perch
	quán	Rống Xanh	Green Dragon
		Rú Quỷ	Trollshaws
		Rúc Tù Và	Homblower
		Rừng Bó Đũa	Bindbale Wood
		Rừng Canh	the Watch wood
		Rừng Cuối	Woody End
		Rừng Ent	Entwood
		Rừng Già	Old Forest
	khu	Rừng Vàng	Golden Wood
		Rừng Xám	Grey Wood
		Rừng Xanh Lớn	Greenwood the Great
<b>S</b>			
		Sách Đỏ ở Biên Tây	Red Book of Westmarch
		Sải Chân Dài	Strider
		Sảnh Lửa	Hall of Fire
		Sảnh Nguồn	Wellinghall
		Sảnh Rừng	Woodhall
		Sao Hòm	Evenstar
		Saruman Áo Trắng	Saruman the White
		Scadufax	Shadowfax
		Smial Đẹp	Better Smials
		Smial Lớn	Great Smials
		Snawburna	Snowbourn
		Snawmana	Snowmane
		Sói	Wotf
		Sói tinh	Warg
		Sông Cả Anduin	Anduin the Great River
		Sông Chảy	River Running
		Sông Diên Vĩ	Gladden River
		Sunnlending	Sunlending
		Suối Cây Kế	Thistle Brook
		Suối Hẻm	Deeping-stream

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		Suối Mering	Mering Stream
		Suối Stock	Stock Brook
		Sừng Đỏ	Redhorn
		Sườn Took	Tookbank
<b>T</b>			
		Tai Ương của Isildur	Isildur's Bane
	Helm	Tay Búa	Helm the Hammerhand
		Tân Kỳ Nguyên	New Age
		Tân Niên	Younger Days
		Tây Biên Thùy	West Marches
		Tây Châu	Westerness
		Tây Cực	Uttermost West
		Tây Hải	Western Seas
		Tây ngữ	Westron
	lớp	Tha Hương	Exile
		Thác Bên Thang	Stair Falls
		Thảo Nguyên	The Wold (of Rohan)
		Tháp Canh	Tower of Guard
		Tháp Ma Thuật	Tower of Sorcery
		Tháp Mặt Trăng Lên	Tower of the Rising Moon
		Tháp Mặt Trời Lặn	Tower of the Setting Sun
		Tháp Tối	Dark Tower of Mordor
		Thân Đẹp	Goodbody
		Thorin Khiên Sồi	Thorin Oakenshield
		Thợ Bốc Cát	Sandheaver
		Thung Đáy Khe	Rivendell
	thành bang	Thung Lũng	Dale
		Thung Xe Đá	Stonewain Valley
		Thượng Tiên	High Elf
		Thượng Tộc	High Kindred
		Tiên	Elf
		trăng tinh	starmoon
		Tóc Rơm	Strawhead

		<b>Tiếng Việt</b>	<b>Tiếng Anh</b>
		Tổng Bắc Tổng Nam Tổng Đông Tổng Tây	Northfarthing Southfarthing Eastfarthing Westfarthing
		Trán Mây	Cloudyhead
		Trảng Cháy	Bonfire Glade
		Trảng Grim	Grimslade
		Trấn Hươu	Buckland
		Trên Đồi	Overhill
		Triển Đốc Tuột	Banks
		Trùm	Chief (of the Shirriffs)
		Trung Địa	Middle-earth
		Truong Etten	Ettenmoors
		Tuấn Du	Ranger
		Tuyết Mao	Snowmane
		Tường Hẻm	Deeping Wall
<b>U</b>			
		Underharg	Underharrow
		Upburnan	Upbourn
<b>V</b>			
		Vết Đồi Bóng Tà	Hills of Evendim
		Vết Đồi Sắt	Iron Hills
		Viện Mathom	Mathom-house
		Vịnh Băng Forochel	Icebay of Forochel
	hoa	vĩnh ký	evermind
		Vòng Thành Isengard	Ring of Isengard
		Vùng Đất Hoang	Wilderland
		Vùng Đồi Xanh	Green Hill Country
		Vựa Thóc Cũ	Old Grange
		Vực Đen	Black Pit
		Vườn Bao Orthanc	Treagarth of Orthanc
		Vườn Nho Cổ	Old Winyards
		Vườn Trận	Battle Gardens
		Vương Quốc Bắc	North Kingdom
		Vương Quốc Hằng Phước	Blessed Realm

		Tiếng Việt	Tiếng Anh
		Vương Quốc Hợp Nhất	Reunited Kingdom
		Vương Quốc Rừng	Woodland Realm
<b>X</b>			
		Xác Vải - Bao Gai	Sackville-Baggins
		Xoay Vòng Túng	Springle-ring
		Xóm Đá	Hardbottle
		Xóm Lá	Cotton
		Xóm Mối	Nobottle
	các	Xứ Nắng	Sunlands
		Xương Sồi	Beechbone
<b>Y</b>			
		Y Sư	Healer(s)
		Y Viện	Houses of Healing

# Chú thích

[←1]

Topography: nguyên thủy chỉ môn khoa học nghiên cứu địa hình, địa thế, bề mặt Trái Đất, mở rộng nghĩa chỉ các nghiên cứu cụ thể về địa phương, không chỉ bề mặt mà cả các đặc tính thiên nhiên cũng như nhân tạo. kể cả lịch sử và văn hóa địa phương.

[←2]

Như sẽ thấy trong các mục từ sau và Phụ lục F, Tolkien không đưa ra cách giải quyết nhất quán với các tên Rohan: một mặt, đó vẫn phải là tiếng Anh Cổ, mặt khác, người Hobbit nhận ra nhiều từ trong đó tương tự từ trong NNC. Vì thế chúng tôi đưa ra hai phương án cho mỗi từ Rohan: một dạng tiếng Anh Cổ, một dạng NNC, tùy văn cảnh là lời người Rohan, hay lời Hobbit.

[← 3]

Fimbrethil = “Slim-birch”, cây bạch dương mảnh mai.

[←4]

Chỉ mục trong Ấn bản lần thứ hai 1965.



[← 5](#)

Chú thích của Hammond & Scull: “mục từ này sau bị xóa khỏi Danh pháp: “and, ‘dài’ +  
duin, ‘sông lớn’: NNC the Great River.”

[← 6]

Danh pháp khoa học ngày nay là *Pulsatilla vulgaris*.